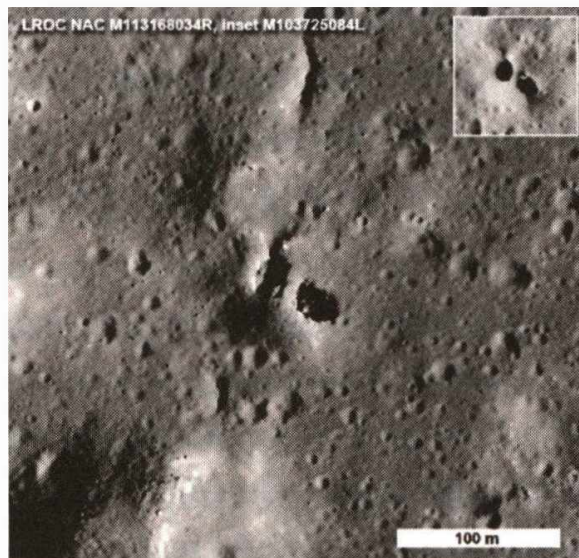




23. BÍ ẨN VỀ MẶT TRĂNG

1. Trước khi đến được Mặt Trăng, con người đã từng ôm ấp một hoài bão rất lớn, đó là hi vọng tại đó có thể phát hiện được những bằng chứng chứng tỏ những sinh vật của các hành tinh khác đã từng đến Mặt Trăng. Nhưng phi hành gia người Mỹ sau 6 lần bay lên Mặt Trăng vẫn chưa thu được kết quả như mong đợi.

Tuy nhiên, kì quan bề mặt Mặt Trăng mà một số người quan sát bằng kính viễn vọng lại không hề bình thường chút nào. Trong đó, ghi chép khiến người ta ngạc nhiên nhất đó chính là bài phát biểu của nhà khoa học John O'Neill trên tờ báo "New York Herald Tribune" năm 1954. Ông nói rằng có người đã phát hiện thấy một vật thể hình cây cầu rất lớn trên biển Mặt Trăng Mare Crisium. Điều thú vị là, một nhà thiên văn học nổi tiếng khác khi dùng kính viễn vọng của mình quan sát Mặt Trăng cũng thừa nhận ở đó có một vật thể hình cây cầu, trong đó có một người nói cây cầu dài 19 km.



Hình ảnh về hai cây cầu tự nhiên trên mặt trăng

Nếu thực sự có vật thể đó thì đó là một cây cầu hay là địa mạo được hình thành tự nhiên. Trong một chương trình của hãng truyền thông Anh, nhà thiên văn học

nổi tiếng người Anh Willkis đã nói rằng vật thể hình cây cầu đó là do con người tạo ra. Khi có người hỏi về tình hình cụ thể của vật thể đó, ông trả lời: có thể nói đó là vật được chế tạo ra nhờ kĩ thuật. Ông còn nói thêm rằng, bóng của nó in trên bề mặt của Mặt Trăng trông rất giống như những chiếc cầu bình thường mà chúng ta vẫn thấy. Nhà nghiên cứu Mặt Trăng này nói, khi ánh sáng mặt trời chiếu gần vào cầu sẽ nhìn thấy rất rõ. Khán giả nghe dài không có chút gì ngạc nhiên.

Tất nhiên, kể từ đó, những quan sát về Mặt Trăng vẫn chưa đưa ra được những căn cứ ủng hộ cho phát hiện trên. Một quan điểm hoàn toàn trái ngược với tiến sĩ Willkis cho rằng, nhìn địa mạo được hình thành tự nhiên của bề mặt Mặt Trăng thành một cây cầu hay một công trình kiến trúc là do Mặt Trăng cách Trái Đất quá xa, dẫn đến những sai lầm trong việc quan sát.

Tuy nhiên, quả thực vẫn còn có những hiện tượng giải thích chưa đầy đủ về bề mặt của Mặt Trăng. Một khoảng thời gian rất lâu, khoảng hàng chục đến hàng trăm năm trước khi con tàu vũ trụ Apollo được phóng lên Mặt Trăng, khi mà các nhà quan sát chỉ có thể nghiên cứu Mặt Trăng nhờ vào kính viễn vọng thì các nhà thiên văn học tài ba xuất chúng đã từng nhìn thấy những điểm sáng và những quang sáng trắng di chuyển trên bề mặt của Mặt Trăng. Galileo đã từng để lại những ghi chép quan sát về vấn đề này. Các nhà thiên văn học đều cho rằng, trên Mặt Trăng không có sinh vật sinh sống, không có không khí, do đó cũng không có gió, không có hiện tượng phong hóa. Hay nói cách khác, Mặt Trăng là một thiên thể có địa mạo về cơ bản không thể biến đổi. Nhưng thực tiễn đã chứng minh, địa mạo của Mặt Trăng đang thay đổi ở một số nơi.

Khoảng hơn 100 năm trước, nhà thiên văn học người Đức John Sirota đã dành mấy chục năm không ngừng quan sát một ngọn núi hình tròn có đường kính 9,6 km trên Mặt Trăng, và đã để lại một số ghi chép rất khác thường. Ông phát hiện ra rằng, ngọn núi hình tròn này ngày càng nhỏ đi và dần biến mất. Hiện nay, nó chỉ còn là một điểm nhỏ được bao quanh bởi những vật tích tụ màu trắng vừa nhạt, vừa nhỏ. Theo ảnh con tàu Apollo số 15 chụp được cho thấy, hiện nay đường kính của ngọn núi này chỉ còn có 2,4 km. Và cho đến nay, vẫn chưa có ai tìm ra được nguyên nhân thực sự dẫn đến sự thay đổi đó.

Người đã từng đảm nhiệm chức đài trưởng đài thiên văn bang Minnesota Mỹ Frank Halstead cùng trợ lí và 16 học giả khác đã cùng nhau quan sát Mặt Trăng.

Họ phát hiện thấy, hiện nay, trên một ngọn núi hình vòng cung tên là “Sáo nhỏ” đã không còn tồn tại những đường vân màu đen. Sau khi các nhà thiên văn học khác xác nhận sự tồn tại của đường vân màu đen đó không lâu, đường đó đã đột nhiên biến mất.

Qua thí nghiệm nguyệt chấn, một số nhà khoa học người Mỹ đã rút ra kết luận rằng Mặt Trăng có thể là một dạng vỏ trống rỗng. Còn có một số nhà khoa học đã nhận được những tín hiệu vô tuyến điện không rõ từ Mặt Trăng.

Tạm thời, con người vẫn chưa thể đưa ra kết luận gì với những hiện tượng xảy ra về Mặt Trăng. Nhưng cũng may các phi hành gia vũ trụ của Mỹ và Nga đang vạch ra và thực hiện một kế hoạch quay trở lại Mặt Trăng mới. Kế hoạch này chắc chắn sẽ rộng rãi và cẩn thận, tỉ mỉ hơn, giúp ích cho việc tìm ra lời giải đáp cho những bí ẩn về Mặt Trăng.

2. Các nhà khoa học đã dự đoán rằng, Mặt Trăng sẽ là cơ sở năng lượng của con người, là vịnh Persian của thế kỉ sau. Đó là bởi vì các nhà khoa học đã phát hiện ra heli 3 trên bề mặt của Mặt Trăng.

Công nghệ nhiệt hạch hạt nhân, trong đó tiêu biểu là thiết bị Tokamak đã có những bước tiến bộ vượt bậc, có thể chỉ còn cách điều kiện đánh lửa chủ động một bước nữa thôi. Tuy nhiên, do vẫn còn tồn tại những vấn đề về nguyên liệu lò phản ứng và năng lượng phóng xạ nên cho dù thực hiện được đánh lửa chủ động thì tương lai phát triển của công nghệ nhiệt hạch hạt nhân vẫn không hề bằng phẳng chút nào. Đặc biệt, do còn tồn tại vấn đề năng lượng phóng xạ nên công nghệ nhiệt, vốn được coi là nguồn năng lượng sạch này đang đứng trước tình thế nghiêm trọng.

Cũng chính vì thế, phản ứng $D - He3$ đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của giới khoa học. Năng lượng phóng xạ mà phản ứng này thải ra ít hơn rất nhiều so với phản ứng $D - T$. Đặc điểm này của phản ứng $D - He3$ sớm đã thu hút sự chú ý của những người nghiên cứu về nhiệt hạch hạt nhân. Cho đến nay, nó đã nhiều lần trở thành chủ đề tranh luận của giới khoa học. Những chất sinh ra trong phản ứng này phần lớn đều là các hạt mang điện, có thể bị đốt cháy trong thiết bị nhiệt hạch hạt nhân đóng kín kiểu mở rộng, trực tiếp phát điện. Do cách thức phát điện này có thể nâng cao hiệu suất rất lớn nên rất có tương lai phát triển.

Sở dĩ các nhà khoa học trên thế giới đưa công nghệ này vào chương trình hợp là vì việc tận dụng tài nguyên heli 3 trên bề mặt của Mặt Trăng đã không còn là việc không thể thực hiện được.

Helium 3 trên bề mặt của Mặt Trăng là do gió Mặt Trời mang đến. Thành phần chủ yếu của phân tử ion như gió Mặt Trời là hydro, trong đó hàm lượng heli 3 chiếm một phần hàng trăm nghìn. Hàng chục tỷ năm nay, những phân tử heli 3 này tích tụ rất nhiều trong lớp đất đá trên bề mặt của Mặt Trăng. Do sự cản trở của tầng khí quyển nên trên Trái Đất không thể tích tụ heli 3 đến từ Mặt Trời, và số lượng heli 3 được phân giải từ chất đồng vị Tritium của Hydro còn vô cùng ít.

Cứ xử lý 10 tấn đất cát trên bề mặt Mặt Trăng là có thể thu được 1000g heli 3. Cho 1000g heli 3 này vào đốt trong lò phản ứng nhiệt hạch hạt nhân sẽ thu được công suất phát điện 10000 kw/năm. Nếu mỗi năm có thể sử dụng được hàng chục tấn heli 3 thì có thể đáp ứng được nhu cầu về điện năng trong thế kỉ XXI của người dân trên khắp thế giới. Trong khi đó, con số này vẫn còn nhỏ hơn rất nhiều so với 1 triệu tấn heli 3 có trên bề mặt Mặt Trăng. Kỹ thuật khai thác heli 3 không hề phức tạp, chỉ cần tăng nhiệt độ lên tới 1000°C.

Chúng ta hãy thử tính toán xem toàn bộ chi phí cho quá trình khai thác và vận chuyển heli 3 về Trái Đất là bao nhiêu. Nếu bằng với giá thành dầu thô, tức là khoảng 7 USD/ thùng dầu thì so với giá khoảng 19 USD/ thùng dầu thô trên thị trường quốc tế hiện nay, giá này còn rẻ hơn rất nhiều. Khi khai thác heli 3 còn lấy được rất nhiều các sản phẩm phụ như là hydro, lưu huỳnh, nito, hay cũng chính là những điều kiện vật chất cơ bản không thể thiếu được khi con người sống trên Mặt Trăng. Nếu mọi việc quả thực đúng như vậy thì tất nhiên là một việc tốt. Nhưng nếu muốn biến ý tưởng đó thành hiện thực thì vấn đề then chốt nằm ở chỗ liệu có thể chế tạo được lò phản ứng nhiệt hạch hạt nhân để thực hiện phản ứng D – heli 3 hay không. Các nhà khoa học vốn cũng đau đầu vì nguyên liệu để làm thành lò phản ứng do nhiệt độ của phản ứng nhiệt hạch hạt nhân quá cao. Do đó, hiện nay, xét về mặt kỹ thuật thì việc tăng thêm nhiệt độ là rất khó.

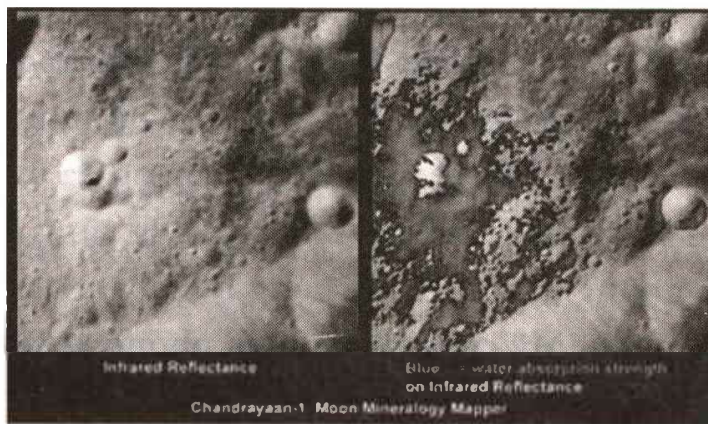
Dù hiện nay, heli 3 đã trở thành một chủ đề bàn bạc của các chuyên gia về năng lượng, chứng tỏ họ có thể đã có được manh mối mới, làm thay đổi tình trạng bế tắc của công nghệ nhiệt hạch hạt nhân. Việc thám hiểm sao Hỏa và khai thác bề mặt Mặt Trăng là những sự nghiệp khoa học mới sau này mà giới khoa học các nước cần phải tập trung lực lượng để thực hiện.

Tuy nhiên, việc làm thế nào để khai thác Heli 3 trên Mặt Trăng và vận chuyển nó về Trái Đất e rằng vẫn là một trong những câu hỏi hóc búa đặt ra cho các nhà khoa học. Có lẽ phải cần rất nhiều năm nữa mới có thể biến điều đó thành sự thật.

3. Kể từ khi con tàu vũ trụ Apollo số 11 bay lên Mặt Trăng vào tháng 7 năm 1969 thì đã có 6 lần tàu vũ trụ Apollo đặt chân lên Mặt Trăng và đã mang về rất nhiều nham thạch từ đó. Theo phân tích những mảnh nham thạch đó cho thấy, về cơ bản, những mảnh nham thạch trên Mặt Trăng không có chứa nước. Do đó, dường như có thể kết luận rằng trên Mặt Trăng không có nước.

Liệu có phải thực sự trên Mặt Trăng không có nước hay không?

Một lượng nước đáng kể đã được tìm thấy trên Mặt Trăng, Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Mỹ (NASA) cho biết vào ngày 13 tháng 11 năm 2009.



Ảnh chụp một số miệng núi lửa từ tàu vũ trụ Chandrayaan 1 của Ấn Độ.

Việc phát hiện trên Mặt Trăng có nước cho thấy một bước tiến lớn trong tiến trình chinh phục vũ trụ của con người, đồng thời giúp đặt nền móng cho việc xây dựng các cơ sở cung cấp nước hoặc nhiên liệu trên hành tinh này phục vụ các chuyến thám hiểm vũ trụ trong tương lai.

Theo thông báo của NASA, dữ liệu ban đầu cho thấy sứ mệnh tìm nước của NASA đã thành công khi phát hiện có nước trong một hố sâu ở cực nam Mặt Trăng.

Đối với vấn đề này, phó hội trưởng hiệp hội hành tinh Mỹ Mare đã đưa ra một câu trả lời khẳng định rằng trên Mặt Trăng rất có thể có nước. Sự chú ý của ông tập trung vào hai cực của Mặt Trăng, trong khi đó tàu vũ trụ Apollo chưa từng đến đó. Trục tự quay của Mặt Trăng gần như vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo

quay vòng của Trái Đất (hay còn gọi mặt phẳng hoàng đạo). Do đó, ở chỗ trung của những dãy núi hình vòng ở cực Nam và cực Bắc của mặt trăng quanh năm không nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Có thể ở đó có tích tụ nước.

Ở gần đường xích đạo, nhiệt độ vào giữa trưa của bề mặt Mặt Trăng là khoảng 130°C , vào ban đêm giảm xuống còn -150°C , sự chênh lệch nhiệt độ thật đáng kinh ngạc. Nhưng tại vùng địa cực của mặt trăng, nhiệt độ thường ở mức khoảng -200°C . Ở môi trường nhiệt độ như vậy có thể hình thành băng. Nếu quả thật vùng địa cực của Mặt Trăng có nước (băng) thì đó quả là một tin mừng đối với việc xây dựng cơ sở trên Mặt Trăng trong tương lai. Nước là một yếu tố không thể thiếu trong sự sống của loài người. Nước lại có thể phân giải thành khí Hydro – nhiên liệu dùng trong tàu vũ trụ và oxi – chất hỗ trợ sự cháy. Ngoài ra, phân giải nham thạch trên Mặt Trăng cũng có thể tạo ra Oxi.

Muốn thăm dò vùng địa cực của Mặt Trăng thì việc phóng vệ tinh theo quỹ đạo bay qua đường cực Nam và Bắc của Mặt Trăng là một cách rất hiệu quả. Ngay từ năm 1967, để mở đường cho kế hoạch Apollo, Mỹ đã từng phóng “thiết bị bay quỹ đạo Mặt Trăng” số 4 và 5. Hai vệ tinh Mặt Trăng đó đã chụp được những bức ảnh tương đối rõ ràng về bề mặt của Mặt Trăng nhưng cũng đều không biết được phần đáy tối tăm của những dãy núi hình vòng ở hai cực của Mặt Trăng. Vì thế, một vài nhà khoa học người Mỹ cũng đã đề nghị phóng vệ tinh theo quỹ đạo hai cực của Mặt Trăng. Dù ý kiến này tạm thời không thể thực hiện được một cách toàn bộ nhưng về cơ bản đã đưa ra những biện pháp thiết thực, khả thi để tìm kiếm nguồn nước trên Mặt Trăng. Từ năm 1990 đến năm 2009, Mỹ, Nga Nhật Bản, trung Quốc... đã liên tiếp phóng các vệ tinh thăm dò Mặt Trăng. Viện nghiên cứu khoa học vũ trụ của Nhật Bản cũng đang tích cực thực hiện kế hoạch phóng vệ tinh thăm dò Mặt Trăng.

Mặt Trăng là một thiên thể gần Trái Đất nhất trong vũ trụ, và cũng là bức bình phong thiên nhiên giúp Trái Đất tránh được sự va chạm trực tiếp của vô số các thiên thể nhỏ khác. Tương lai, Mặt Trăng có thể nhíp cầu giúp con người thực hiện bay lên các hành tinh. Vì thế, việc tìm ra lời giải cho câu đố về Mặt Trăng hiện nay có ý nghĩa vô cùng quan trọng.



24. PHẢI CHĂNG LỰC HẤP DẪN CỦA MẶT TRĂNG LÀ “NGỒI NỔ” GÂY NÊN ĐỘNG ĐẤT ?

Bên dưới mặt biển về phía đông thủ đô Tokyo, Nhật Bản, cách bờ biển 250 km có một khe sâu dưới đáy biển sâu tới 8000 m. Rãnh biển Nhật Bản đi xuyên qua nó từ hướng Bắc sang Nam. Rãnh biển Nhật Bản là nơi giao nhau giữa đáy biển và mảng kiến tạo lục địa. Mảng kiến tạo đáy biển di chuyển về phía Tây, từ đó “đóng nê” vào dưới quần đảo Nhật Bản, xen kẽ với mảng kiến tạo lục địa. Ở đây thường xuyên xảy ra những trận động đất lớn.

Tại vùng đất được các nhà khoa học gọi là “sào huyết của động đất” này đã từng xảy ra một loạt các trận động đất liên tiếp trên mặt biển Sanriku. Theo quan sát cho thấy, trong khoảng 3 tháng đã xảy ra 1200 trận động đất với quy mô khác nhau, và hiện tượng động đất xảy ra liên tục, không ngừng nghỉ trong vòng nửa năm. Trong đó, trận động đất lớn nhất lên tới 7,1 độ richter. Ở vùng duyên hải khu vực Sanriku cũng chịu sự tấn công sóng thần. Nếu trận động đất mạnh như vậy xảy ra ở một thành phố lớn thì không thể tưởng tượng được hậu quả của nó sẽ như thế nào.

Các chuyên gia đã tiến hành nghiên cứu một cách tỉ mỉ về một loạt các trận động đất này và đã phát hiện ra một hiện tượng thú vị có tính gợi ý, đó là khi Mặt Trăng đi qua đường kinh tuyến từ chính Nam hoặc chính Bắc thì dường như đã được định trước, lập tức động đất liên tục xảy ra, dù là khi Mặt Trăng đi qua chính Bắc và nằm ở mặt bên kia của Trái Đất, chúng ta không thể nhìn thấy.

Trong những trận động đất kể trên, thì có 32 trận động đất với quy mô lớn từ cấp 5 trở lên. Trong đó, có 1/3 hay là khoảng 10 trận động đất xảy ra sau một đến hai tiếng khi Mặt Trăng đi qua kinh tuyến. Nếu tính bình quân số trận động đất xảy ra trong khoảng thời gian đó thì kết quả là 1/2 trong số 32 trận động đất tức

chưa đến 3 lần. Còn trên thực tế, số lần động đất xảy ra ngay sau khi mặt trăng đi qua đường kinh tuyến là 3 đến 4 lần con số trên. Như vậy, xét cho cùng, nguyên nhân dẫn đến hiện tượng kì lạ này là gì?

Cách đây rất lâu, con người đã phát hiện được hiện tượng thủy triều của nước biển trên Trái Đất là do lực hấp dẫn của Mặt Trăng gây ra. Lực hấp dẫn này còn có thể đi sâu vào trong lòng trái đất, khiến các mảng kiến tạo vững chắc của Trái Đất giãn nở hoặc co lại. Lực hấp dẫn của Mặt Trăng tác động lên các mảng kiến tạo Trái Đất biến đổi theo thời gian di chuyển của Mặt Trăng.

Động đất xảy ra ở Sanriku – Nhật Bản xảy ra đúng vào khoảng hai đến ba tiếng sau khi Mặt Trăng đi qua đường kinh tuyến. Khi đó, ảnh hưởng tác dụng của lực hấp dẫn của Mặt Trăng cũng là lớn nhất. Từ đó có thể thấy được rằng, mối liên hệ giữa động đất và lực hấp dẫn của Mặt Trăng không phải là ngẫu nhiên.

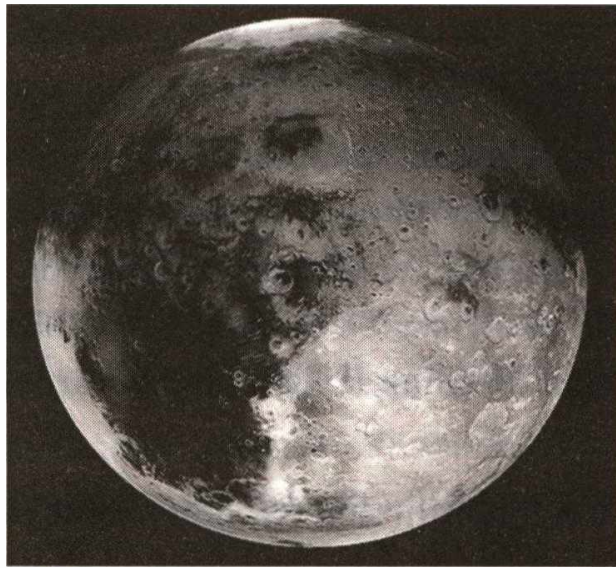
Xét về mặt số lượng, tác dụng của lực hấp dẫn của Mặt Trăng là rất nhỏ, nếu chỉ dựa vào nó thì không thể gây ra động đất được. Tuy nhiên, nếu sự vận động của các mảng kiến tạo Trái Đất làm cho động đất có nguy cơ bùng nổ thì lực hấp dẫn của Mặt Trăng sẽ có tác dụng là ngòi nổ.

Mối liên hệ giữa động đất và lực hấp dẫn của Mặt Trăng vẫn đang được đi sâu nghiên cứu hơn. Trên thực tế, mối liên hệ này hết sức phức tạp, cũng như động đất được hình thành bởi rất nhiều yếu tố cộng lại. Những mối liên hệ này đã được giới nghiên cứu thừa nhận.



25. NHỮNG NGƯỜI LÁNG GIẾNG TỐT BỤNG TRÊN SAO HỎA

Sau khi máy thăm dò sao Hỏa mà Nga bỏ ra hàng trăm triệu USD để chế tạo trở thành cát bụi sau một tiếng nổ lớn, thiết bị thăm dò sao Hỏa của Mỹ cũng lên đường đi chinh phục sao Hỏa. Từ cuối năm 1996, vấn đề sao Hỏa và sự sống trên sao Hỏa đã trở thành vấn đề nóng gây xôn xao dư luận.



Sao Hỏa

Khoảng 4,6 tỉ năm trước, khi Hệ Mặt Trời bắt đầu hình thành thì Trái Đất và sao Hỏa cũng được ra đời gần như đồng thời. Hiện nay, bề mặt sao Hỏa mà chúng ta quan sát được đều bị bao phủ bởi sa mạc và nham thạch, thế nhưng Sao Hỏa đã từng là một hành tinh có biển và khí hậu ấm nóng. Vậy thì, trên sao Hỏa đã từng xuất hiện sự sống chưa? Hay nói cách khác có thể có sự sống ở hành tinh này không?

Về vấn đề sự sống của Trái Đất, khoảng hơn 3 tỉ năm trước, trong môi trường nước đã xuất hiện một số hợp chất hữu cơ phân tử thấp như axit amin, hạt nhân axit bazơ... Các hợp chất này phát triển thành các hợp chất cao phân tử như

protein, axit nucleic. Các hợp chất hữu cơ mà trung tâm là các hợp chất cacbon thông qua một loạt các phản ứng và bắt đầu làm xuất hiện sự sống. Các nhà khoa học thường cho rằng bầu khí quyển nguyên thủy của Trái Đất chủ yếu là cacbon oxit, cacbonic, nitơ và hơi nước. Rất nhiều nhà khoa học đã áp dụng phương pháp thí nghiệm tương tự như “Thí nghiệm Miller” nổi tiếng năm 1953 để tạo ra được nhiều loại axit amin và hạt nhân bazơ.

Khác với những kết quả của những thí nghiệm trên, một số nghiên cứu lại chứng minh rằng, nơi bắt đầu sự sống nguyên thủy của Trái Đất là ở nguồn nước nóng dưới đáy biển. Thế nhưng về vấn đề sự sống bắt đầu, các hợp chất cao phân tử quan trọng nhất và cũng là không thể thiếu như axit amin, protein... cùng với các chất cấu tạo nên tế bào, đặc biệt là màng tế bào, rốt cuộc đã được hình thành như thế nào cho đến nay vẫn là một dấu hỏi lớn.

Có thể có sự sống trên sao Hỏa không?

Người ta cho rằng, sau khi hình thành một thời gian, quá trình biến đổi phát triển của sao Hỏa có nhiều điểm tương đồng với Trái Đất, cũng từng có biển, có những dòng sông cuộn cuộn chảy và những ngọn núi lửa phun trào. Những tàn tích thu được trên bề mặt sao Hỏa có thể cho thấy rõ những điều này, một trong những vật chứng hùng hồn đó chính là địa hình bãi cát hình “giọt lệ” được hình thành từ những dòng nước.

Các nhà khoa học từng làm thí nghiệm như sau: cho dòng phân tử proton trong tia vũ trụ qua máy gia tốc và chiếu lên bầu khí quyển nguyên thủy của sao Hỏa, đó là một hỗn hợp khí bao gồm oxit cacbon, cacbon đioxit, khí nito và nước, sau đó phân tích các thành phần chính được sinh ra. Thí nghiệm đã cho thấy sản sinh thêm nhiều loại axit amin: axit amino acetic, axit amino propanoic, axit Aspartic... Phán đoán căn cứ theo kết quả của thí nghiệm này, môi trường nguyên thủy của sao Hỏa hoàn toàn đầy đủ điều kiện để sinh ra sự sống giống như Trái Đất.

Vậy trên sao Hỏa đã từng xuất hiện sự sống như thế nào? Hãy thử lấy tình hình Trái Đất làm ví dụ để làm rõ hơn. Từ khi bắt đầu hình thành khoảng hơn 4 tỉ năm trước, trải qua hơn 1 tỉ năm biến đổi, sự sống trên Trái Đất được hình thành. Sự sống nguyên thủy này có thể là các vi khuẩn giản đơn mang tế bào có nhân

nguyên thủy (prokaryote), cũng tức là chúng đã mang các gen có những thông tin di truyền ít nhất có thể để phục vụ cho việc sinh sản duy trì nòi giống. Chúng đã dùng màng tế bào bọc lượng enzyme ít ỏi của mình lại để thay thế năng lượng tạo thành một thứ có kết cấu đơn giản. Sau đó lại tiếp tục trải qua hơn 2 tỉ năm, những sự sống giản đơn này mới có thể tiến hóa thành những tế bào có nhân thực sự (Eukaryote).

Quá trình này trên sao Hỏa sẽ diễn ra như thế nào? Như đã nói ở trên, khoảng 1 tỉ năm sau khi sao Hỏa hình thành, trên sao Hỏa nguyên thủy cũng có biển và bầu khí quyển ẩm ướt và ấm nóng. Vì thế không khó lý giải tại sao trên sao Hỏa cũng xuất hiện những sinh vật giản đơn nguyên thủy như trên Trái Đất. Dĩ nhiên, vùng nước nóng ở đáy biển cũng có thể là nơi bắt đầu sự sống đầu tiên trên sao Hỏa. Thế nhưng, sau đó sao Hỏa bắt đầu “lạnh dần”, sự phát triển của sự sống cũng chậm dần. Hiện nay chúng ta cũng không chắc chắn trên sao Hỏa thực sự có từng xuất hiện những tế bào có nhân thực sự hay không. Nếu như quá trình “lạnh dần” của sao Hỏa chậm lại bất thường, những tế bào có nhân thực sự, các sinh vật loài tảo có thể tiến hành quang hợp có khả năng phát triển được. Nếu quá trình “lạnh dần” ấy đột ngột tăng nhanh, thì nước ở dạng thể lỏng trên sao Hỏa sẽ dần biến mất, như thế không nói gì đến các tế bào có nhân thực sự, các tế bào có nhân nguyên thủy có thể xuất hiện hay không cũng rất khó khẳng định.

Từ đó có thể nói, giải quyết được vấn đề sao Hỏa bắt đầu “lạnh dần” từ khi nào và bằng cách nào chính là chìa khóa cho bí ẩn về sự sống trên sao Hỏa. Trên bề mặt sao Hỏa tồn tại một lượng lớn superoxide, trên sao Hỏa cũng có nước, qua phản ứng hóa học sẽ sinh ra oxy, sao Hỏa có lẽ đã từng hình thành sự sống với hình thức hô hấp oxy, vì thế chúng ta không nên coi nhẹ khả năng trên sao Hỏa đã từng xuất hiện những sinh vật tương đối phức tạp.

Hiện nay, mấu chốt để gỡ giải thắc mắc này nằm ở những tài liệu nghiên cứu vẫn chưa đầy đủ. Trong tương lai không xa, qua những nghiên cứu thám hiểm trên sao Hỏa nhất định sẽ làm rõ được những vấn đề trên.

Khả năng có sự sống trên sao Hỏa hiện nay có lớn không?

Con người trực tiếp nghiên cứu thăm dò sự sống trên sao Hỏa vào năm 1976, thiết bị thăm dò sao Hỏa Viking lần đầu tiên được phóng cũng đã cách đây gần 40 năm. Đáng tiếc rằng khi đó Viking đã phủ định sự sống tồn tại trên sao Hỏa. Từ những hình ảnh bề mặt sao Hỏa mà Viking chụp được, chúng ta thấy toàn bộ sao Hỏa đều bị bao phủ bởi một màu nâu đỏ, những mảnh nham thạch đường kính khoảng 40 cm có ở khắp nơi, không hề thấy một chút màu xanh nào. Bầu trời bao phủ một màu đỏ rực như những chiều hoàng hôn trên Trái Đất.

Trên sao Hỏa có tồn tại sự sống hay không, hiện nay không ai có thể quả quyết chắc chắn. Nhưng ngoài Trái Đất, trong các hành tinh trong hệ mặt trời thì sao Hỏa là có nhiều khả năng tồn tại sự sống nhất. Quan điểm này xuất phát từ việc trên sao Hỏa có nước. Phần trước cũng đã nhắc đến trên sao Hỏa từng tồn tại biển, vậy nước đã đi đâu hết rồi? Nếu muốn trả lời rõ ràng cho câu hỏi này thì hiện nay chúng ta vẫn chưa có đủ tài liệu căn cứ để khẳng định. Tuy nhiên một trong những đáp án đó là ở cực quan của sao Hỏa ít nhất cũng vẫn có băng. Ở hai cực Nam Bắc của sao Hỏa có cực quan tính theo mùa được hình thành vào mùa đông và cực quan tồn tại nhiều năm. Cực quan mang tính theo mùa đều được hình thành do CO₂ trong bầu khí quyển ngưng tụ, còn cực quan tồn tại nhiều năm lại hình thành do nước lạnh đóng băng. Đường kính cực quan phía bắc của sao Hỏa là 1000 km đến 2000 km, độ dày từ 4 đến 6 km, mở rộng đến gần 75 độ vĩ bắc. Cực quan phía Nam nhỏ hơn, đường kính khoảng 300 đến 700 km, độ dày khoảng 1000 đến 2000 m, nằm phía trên 86 độ vĩ nam. Người ta cho rằng, dưới cực quan là những tầng băng được hình thành từ rất lâu, nếu như tổng lượng băng đó tan ra thành nước thì có thể bao phủ cả sao Hỏa, độ sâu có thể đạt 6 đến 500 m. Đây thực sự là một điều đáng kinh ngạc. Dù không có tài liệu nào nói trên bề mặt sao Hỏa có nước ở thể lỏng. Tuy nhiên, sao Hỏa giống với Trái Đất, đều có trục quay nghiêng (góc nghiêng của trái đất là 23,5 độ, góc nghiêng của sao Hỏa là 25,2 độ). Vì thế một năm đều có khí hậu bốn mùa thay đổi, xung quanh lớp băng cực quan sẽ hoặc tan chảy hoặc đóng băng. Theo những quan sát ghi lại từ Viking, người ta đã phát hiện sương giá bao phủ bề mặt sao Hỏa. Như thế trong khoảng thời gian đó tạm thời xuất hiện nước ở thể lỏng. Vì thế có thể dự đoán rằng có một số loại sinh vật nào đó sinh tồn đến ngày nay.

Nếu sao Hỏa có sự sống, vậy sự sống đó như thế nào?

Các nhà khoa học đã từng mô phỏng môi trường sao Hỏa để làm một môi trường thí nghiệm sao Hỏa thu nhỏ, cho rất nhiều các loại sinh vật vào trong đó để tiến hành thí nghiệm. Đối với các sinh vật đa dạng trên trái đất, đương nhiên những động thực vật lớn không thể tiến hành thí nghiệm này, thông thường thì sẽ sử dụng những vi sinh vật để làm thí nghiệm, trong đó ngoài nấm và vi khuẩn có đây trong không gian xung quanh chúng ta, còn có một số vi sinh vật “hạn chế” chỉ có thể sống trong một số môi trường đặc biệt như nhiệt độ cao hoặc nhiệt độ thấp, hoặc môi trường không có không khí..., cũng tức là cố gắng sử dụng những vi sinh vật có tính phổ biến để tiến hành thí nghiệm.

Kết quả thí nghiệm sinh tồn đã cho thấy, từ bào tử trực khuẩn subtilis, bào tử khuẩn *Aureobasidium pullulans* cho đến các vi khuẩn yếm khí và các loại tảo đều có khả năng sinh tồn rất lớn trong thiết bị ở thí nghiệm này. Nhằm tìm hiểu vấn đề làm thế nào các vi sinh vật sinh sống được dưới tầng băng bao phủ ở cực quan sao Hỏa, các nhà khoa học đã dùng băng được tạo nên từ chất khí trong bầu khí quyển sao Hỏa bao phủ lên bào tử trực khuẩn subtilis, sau đó dùng tia tử ngoại và tia vũ trụ chiếu xạ với liều lượng đạt trên 2000 năm, chúng hầu hết đều không sao. Căn cứ thí nghiệm này có thể dự đoán, trong môi trường sao Hỏa hiện nay, một số loài vi sinh vật có khả năng tồn tại và cũng có khả năng sinh sản, phát triển, cho dù không thể sinh sản thì khả năng sinh tồn của nó cũng khá cao.

Nên tìm sự sống ở đâu trên sao Hỏa?

Nói đến vấn đề tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa, trước hết phải xét đến niên đại địa chất và địa hình của sao Hỏa. Khoảng 3,5 đến 4 tỉ năm trước, sao Hỏa giống như Trái Đất cũng có biển, sau đó “lạnh đi” trở thành hành tinh băng lạnh lẽo như ngày nay. Vì thế nếu sao Hỏa có tồn tại sự sống nào đó thì sẽ vào trước thời kì trở “lạnh đi”. Ngày nay có ý kiến cho rằng, chính trong giai đoạn này, Trái Đất cũng xuất hiện sự sống đầu tiên, những sinh vật đơn bào bắt đầu xuất hiện.

Vậy nên đến nơi nào trên sao Hỏa để tìm kiếm sự sống là thích hợp nhất? Trong địa hình sao Hỏa, khu vực có ít miệng núi lửa ở phía bắc bán cầu sao Hỏa là nơi địa tầng khá mới, hình thành sau khi xuất hiện sự sống. Quan sát từ niên đại địa chất, khoảng 4 đến 3 tỉ năm trước, những cao nguyên hình thành ở nam

bán cầu sao Hỏa từ 3 đến 4 tỷ năm trước được tạo thành từ địa tầng lâu năm. Vì thế, muốn tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa trước hết phải tìm kiếm ở những khu vực có địa hình lâu năm như thế, đặc biệt là những nơi bị dòng nước làm xói mòn như thung lũng “Valles Marineris”. May mắn là trên sao Hỏa không có sự vận động địa chất như trên Trái Đất, những lớp địa tầng lâu năm vẫn nguyên như vậy. Tuy nhiên, khả năng tìm thấy sự sống ở những khu vực này không cao, mục đích chủ yếu là tìm kiếm những hóa thạch nhỏ của những sinh vật nguyên thủy ở đây. Nếu muốn tìm kiếm sinh vật đang sinh sống trên sao Hỏa thì nên tìm ở khu vực xung quanh cực quan sao Hỏa và tầng đất đóng băng có nước vĩnh cửu sâu dưới mặt đất.

Để cho những sinh vật kiểu Trái Đất sinh tồn, thì nước là điều kiện không thể thiếu. Theo những kết quả thu được từ thí nghiệm ở trên có thể suy đoán, hiện nay, nếu trong môi trường sao Hỏa có nước thì những vi sinh vật yếm khí và những vi khuẩn có tác dụng quang hợp nguyên thủy ở nhiệt độ thấp hoàn toàn có khả năng tồn tại ở đây, hoặc có thể chúng vẫn đang trong quá trình tiến hóa chậm chạp.

Sử dụng phương pháp tìm kiếm nào tốt hơn?

Năm 1976, Mỹ tiến hành “kế hoạch Viking”, tàu thám hiểm Viking 1 đã đáp xuống bình nguyên Platinia, và Viking 2 đã đổ bộ xuống bình nguyên Utopia trên sao Hỏa, tiến hành tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa. Mục đích tìm kiếm của tàu thám dò Viking lần này là tìm kiếm những dấu hiệu của sự sống trên bề mặt sao Hỏa. Nhưng đáng tiếc là Viking không thể phát hiện được dấu vết gì của sự sống ở nơi đây. Thế nhưng nó đã tìm được tất cả những nguyên tố cần thiết giúp duy trì sự sống ở sao Hỏa, điều này có ý nghĩa rất lớn. Khi đó, để tiến hành tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa, Viking được trang bị kỹ thuật hiện đại tiên tiến nhất lúc bấy giờ. Tuy nhiên đến bây giờ vẫn cần phải cải tiến nhiều hơn. Ngày nay, đã có phương pháp đặc biệt để giải quyết những dấu hỏi còn để ngỏ trong thí nghiệm Viking: đó chính là biện pháp kết hợp kính hiển vi huỳnh quang và phương pháp xử lý hình ảnh. Trong điều kiện thích hợp, sử dụng một loại chất hóa học nào đó có thể sinh ra các loại vật chất có thể xảy ra phản ứng enzyme với sinh vật và phát ra huỳnh quang (đây chính là nguyên lý khiến sinh vật phát ra huỳnh quang). Đưa chất hóa học này vào trong đất thí nghiệm, sau khi để khoảng vài phút thì lấy kính hiển vi

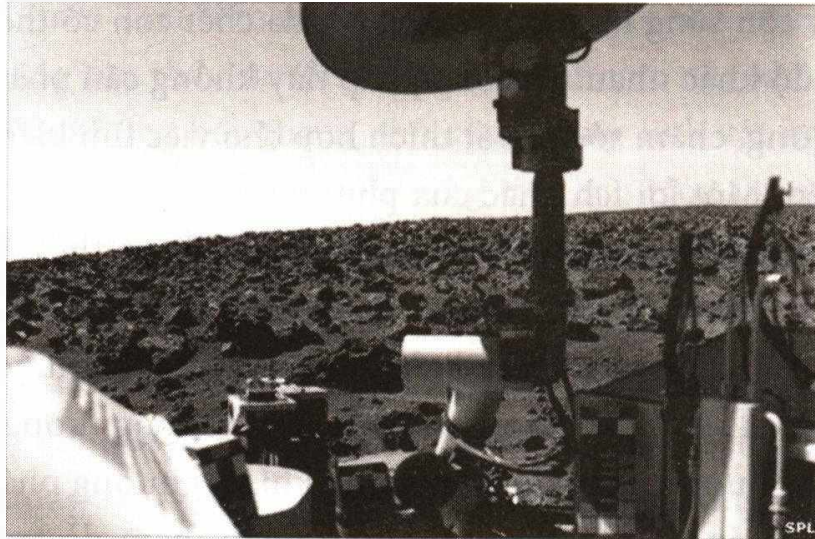
huỳnh quang quan sát, nếu có tồn tại sinh vật thì sẽ xuất hiện huỳnh quang. Phương pháp này thao tác tiến hành rất giản đơn mà kết quả lại đáng tin cậy. Nếu áp dụng đối với đất trên Trái Đất thì có thể kiểm tra được từng tế bào vi sinh vật. Nếu tiến hành thêm một bước chọn lựa điều kiện nhiễm còn có thể dễ dàng phân biệt được sinh vật còn sống hay đã chết, nếu là đã chết còn có thể tiến hành phân tích ở nhiều mức độ khác nhau. Phương pháp này không cần phải thêm dịch dinh dưỡng để nuôi dưỡng, chăm sóc gì, rất thích hợp cho việc tìm kiếm những sự sống chưa được biết đến. Một lợi ích khác của phương pháp này là có thể đưa chất thí nghiệm trở về trạng thái ban đầu để tiến hành phân tích, có thể đồng thời tìm hiểu trạng thái sinh học của sinh vật. Nếu sử dụng phối hợp với phương pháp phân tích gen di truyền PCR còn có thể tìm hiểu được sinh vật đó thuộc loại nào. Trong quá trình tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa hiện nay và trong tương lai, nên kết hợp áp dụng đồng thời phương pháp đo quang phổ khí và phương pháp phân tích chất lượng mà Viking đã áp dụng với các phương pháp thăm dò trực tiếp như biện pháp xử lí hình ảnh kính hiển vi huỳnh quang và phương pháp phân tích gen di truyền.

Các nhà khoa học gia Cơ quan Vũ trụ châu Âu (ESA) tin rằng đã có và có thể vẫn còn sự sống trên sao Hỏa. "Sao hoả là hành tinh giống Trái Đất nhất trong Thái Dương Hệ của chúng ta", theo lời Agustin Chicarro, khoa học gia của ESA, tuyên bố tại một hội nghị kéo dài một tuần trong đó các nhà khoa học trên khắp thế giới thảo luận về những kết quả của việc nghiên cứu sao Hoả do ESA tiến hành.

Họ đã thấy một biển băng lớn gần đường xích đạo của Sao Hoả được hình thành chưa tới 5 triệu năm trước và tin rằng hoạt động núi lửa vẫn đang tiếp diễn ở điểm cực bắc.

Cuộc thăm dò của ESA, tốn 264 triệu USD, bao gồm 7 dự án khác nhau, kể cả một cuộc phân tích hóa học về bầu không khí của Sao Hỏa khi đo lượng khí CO₂, methane và những loại khí khác. Cuộc thí nghiệm cũng cho thấy rằng có thể các chất khí đã có một nguồn gốc hữu cơ, có thể nằm bên dưới bề mặt đóng băng của sao Hỏa.

Về câu hỏi liệu các nhà khọc học có nghĩ rằng đã có đời sống trên sao Hỏa hay không, 75% tin rằng đã có đời sống dưới hình thức vi khuẩn. Trong khi 25% nghĩ rằng hiện nay vẫn có đời sống trên đó.



Cuộc đổ bộ lên sao Hỏa theo kế hoạch Viking của Mỹ

Trên thực tế, trước khi tiến hành thăm dò sao Hỏa, việc thu thập các tài liệu về “thăm dò sự sống trên Trái Đất từ Vũ Trụ” là cần thiết, cũng chính là dùng các vệ tinh quan sát Trái Đất, quan sát sa mạc và vùng băng giá vĩnh cửu Siberia, kiểm tra thành phần nước và chất hữu cơ trong sa mạc, xác định trạng thái sinh học các sinh vật trong những vùng đất đóng băng lâu năm và độ dày của lớp đất đóng băng đó... Trước mắt, chúng ta phải tiến hành thí nghiệm, để chuẩn bị tốt cho việc thực hiện tìm kiếm sự sống trên sao Hỏa.



26. NHỮNG LỰA CHỌN CỦA CON TÀU VŨ TRỤ

Thoát khỏi sự ràng buộc của Hệ Mặt Trời, tự do bay vào khám phá vũ trụ bao la là ước mơ cháy bỏng của loài người từ khi con người có thể bay vào không gian. Thế nhưng đến hôm nay, ước mơ đó vẫn còn rất xa vời, khiến con người chỉ có thể ngước nhìn bầu trời một cách tuyệt vọng. Bởi vì những tên lửa có thể chinh phục một hành trình dài như vậy vẫn còn đang được nghiên cứu chế tạo, vì vậy con người chỉ còn cách chờ đợi và tiếp tục cố gắng không ngừng. Chỉ cần lấy một ví dụ thực tế nhỏ cũng đủ để con người choáng váng trước hành trình dài dằng dặc này: Để đi tới hành tinh α thuộc chòm Nhân Mã gần nhất trong hệ Mặt Trời thì ánh sáng phải mất 4,3 năm, mà tốc độ ánh sáng là 300.000 km/s. Nói cách khác, với vận tốc hiện nay của tên lửa “sao Thổ” đạt 40.000 km/h, nếu ngồi trên tên lửa này đến sao α thuộc chòm Nhân Mã thì cũng phải mất 1 tỉ năm. Để nghiên cứu chế tạo những tên lửa tốc độ cao có thể giúp con người có khả năng biến ước mơ đi thăm những hành tinh bên ngoài Hệ Mặt Trời trở thành hiện thực, các nhà khoa học đã đưa ra rất nhiều ý tưởng độc đáo. Thế nhưng vấn đề là những tên lửa siêu tốc này thiết kế theo trình độ khoa học kĩ thuật của thời đại bấy giờ, còn cách xa thực tế chế tạo ra nó rất xa. Vì vậy hiện nay chúng ta đành chấp nhận chờ đợi tương lai giải quyết câu đố hóc búa này.

Nhà vật lý học lý luận George Chaplin của phòng nghiên cứu quốc gia Lawrence thuộc bang California của Mỹ mấy năm gần đây liên tục nghiên cứu việc thiết kế tên lửa bay đến các hành tinh sử dụng nhiên liệu hạt nhân. Loại tên lửa này dùng những mảnh vỡ hạt nhân sinh ra ở thời kì đầu nguyên tử phân tách khi hạt nhân phân tách để tạo ra lực đẩy. Loại lực đẩy từ các mảnh vỡ hạt nhân này có thể làm tên lửa đạt vận tốc 30.000 km/s, tức là khoảng 1/10 vận tốc ánh sáng. Nếu ngồi trên tên lửa này bay đến chòm sao Nhân Mã thì mất khoảng 50 đến 100 năm, đã rút ngắn hơn rất nhiều so với con số 1 tỉ năm.



Tàu vũ trụ động lực đẩy mới trong tương lai đạt tốc độ 300.000 km/s

Hơn 10 năm trước G. Chaplin bắt đầu nghiên cứu về động lực của các phi thuyền vũ trụ. Tốc độ của phi thuyền được quyết định bởi tốc độ khí mà động cơ tên lửa bắn ra. Khí do động cơ tên lửa bắn ra sẽ tạo ra lực đẩy cho phi thuyền, khiến cho vận tốc phi thuyền bằng với vận tốc của luồng khí. Để đạt được mục tiêu này, cần phải sử dụng phi thuyền vũ trụ có tốc độ phun khí gần với tốc độ ánh sáng.

Ông để ý thấy, tốc độ bay của các mảnh vỡ phân hạch hạt nhân đạt 1,19 km/s, nếu như áp dụng nguyên lý này cho động cơ tên lửa có thể khiến vận tốc phi thuyền vũ trụ đạt 1/20 vận tốc ánh sáng. Một khó khăn lớn để thực hiện vấn đề này là làm thế nào để thu được những mảnh vỡ khi phân hạch hạt nhân rồi gắn vào đuôi tên lửa như thế nào? Mới đây, G. Chaplin đưa ra ý tưởng mới về lò phản ứng nhà máy nguyên tử hoàn toàn mới và được mang bởi tên lửa. Lò phản ứng nguyên tử này một khi bắt đầu phân hạch hạt nhân, thì vô số những mảnh vỡ phân hạch hạt nhân sản sinh ra sẽ bao phủ bề mặt sợi của nhiên liệu hạt nhân và bay với tốc độ vô cùng nhanh. Động cơ tên lửa sẽ thu thập các mảnh vỡ này bằng từ trường sau đó bắn chúng ra ngoài qua đuôi tên lửa, chuyển thành lực đẩy cho phi thuyền.

Chaplin hi vọng sử dụng hệ thống đẩy này để tiến hành thám hiểm khảo sát Hệ Mặt Trời, tuy nhiên một số chuyên gia du hành vũ trụ lại nghiêm khắc chỉ ra rằng, động cơ phân hạch hạt nhân này sẽ khiến phi hành gia tiếp xúc trực tiếp với tia phóng xạ, khiến nguy cơ nhiễm ung thư của họ tăng lên 20%. Chaplin lại cho rằng, nếu sử dụng động cơ tên lửa này, sẽ có thể rút ngắn thời gian phi hành trong vũ trụ từ 2 năm xuống còn một nửa. Nói như thế thì lựa chọn phương pháp nào sẽ giúp cho các nhà phi hành vũ trụ an toàn hơn?



27. NHỮNG VẬT LẠ TỪ TRÊN TRỜI RƠI XUỐNG

Bạn đã nhìn thấy những vật thể như con cá sardin, ếch, ốc biển hay rắn từ trên trời rơi xuống như mưa chưa? Những chuyện lạ như thế trên thế giới này đâu cũng có. Ở Julo, Honduras, hàng năm khi mùa mưa đến, mọi người đều chuẩn bị các thùng gỗ và những tấm lưới đánh cá để đợi cá từ trên trời rơi xuống. “Mưa cá” thường xuất hiện lúc 4,5 giờ chiều, sau đó thường kéo theo mưa bão lớn. Hiện tượng cá từ trên trời rơi xuống xuất phát từ những cơn gió lớn ngoài biển, gió cuốn từng đàn cá lên trời, sau đó chúng lại rơi xuống đất. Tuy nhiên, có lúc có những vật rất kì lạ rơi xuống mà tới nay con người vẫn chưa thể tìm ra được sự giải thích hợp lý.

Vào thế kỉ thứ VI, ở Mecca từng xảy ra một trận đá từ trên trời trút xuống như mưa. Khi đó trong một trận chiến, quân đội Abyssinie đang bị bao vây chặt ở Mecca, gặp phải trận mưa đá lớn, thua trận bỏ chạy. Có người từng dự đoán rằng, những viên đá này có thể là do chim đang bay trên bầu trời ném xuống. Thế



Trận mưa đá

nhưng, loài chim nào có thể thả nhiều đá đánh cho cả một đội quân tan tác? Theo ghi chép, vào thế kỉ thứ VII trước công nguyên, ở La Mã cổ đại cũng từng xảy ra một trận mưa đá kì lạ như thế.

Có một vật thể lạ hình dạng giống mạng nhện cũng từng rơi xuống từ trên trời, hình dạng nó giống mạng nhện nhưng lại không phải là mạng nhện. Những người hiếu kì cảm thấy kì lạ đã gọi nó là “Tóc Tiên”. Người đưa ra cái tên “Tóc Tiên” đầu tiên là White, một nhà văn người Anh. Rạng sáng ngày 21 tháng 4 năm 1741, khi ông đang đi dạo trên cánh đồng thì phát hiện ra bãi cỏ bị bao phủ bởi một lớp “mạng nhện” khá dày. Con chó ông dắt theo phải gặm hết những đám mạng nhện giăng trước mắt. Khoảng 9 giờ sáng, ông vẫn thấy những tấm mạng nhện từ trên trời rơi xuống bay lả tả cho đến tận hoàng hôn. Những vật như mạng nhện này không phải những sợi tơ bay lơ lửng trong không trung mà kết thành dạng tấm, rộng khoảng vài cen-ti-mét, dài khoảng mười mấy cen-ti-mét, cứ thế bay từ trên trời xuống, chúng lấp lánh trong ánh mặt trời. Ông nảy ra ý tưởng thu nhặt những tấm “Tóc Tiên” này về phân tích hóa nghiệm, thế nhưng khi vừa chạm vào chúng thì “Tóc Tiên” lập tức tan ra. Loại “Tóc Tiên” này từng xuất hiện ở rất nhiều nơi, có người không thể giải thích được liền nói “Tóc Tiên” chính là tơ nhện. Thế nhưng trên thực tế tơ nhện lại không bị tan khi con người chạm tay vào, thậm chí nó còn khó tan hơn cả tơ tằm.

Tháng 3 năm 1832, trên một cánh đồng Fromsky ở Nga, từ trên trời rơi xuống một thứ màu vàng. Ban đầu, những người nông dân cho rằng đó là do tuyết bị nhiễm bẩn nên đổi màu, sau đó mới phát hiện ra rằng thứ đó rất giống bông, cho vào lửa sẽ cháy lên ngọn lửa màu xanh, khi ngâm trong nước sẽ giống như nhựa thông, khi đốt có bong bóng, nhưng không bị đốt cháy.

Ngày 13 tháng 11 năm 1833, miền Đông nước Mỹ xuất hiện một trận mưa lạ, các cư dân Rahway, New Jersey lúc đó nhìn thấy một trận mưa màu đỏ rực xuất hiện trên bầu trời, sau đó ở những nơi mưa rơi xuống còn phát hiện những thứ dạng keo kì lạ.



Mưa màu đỏ

Một sáng sớm tháng 11 năm 1896, ở một nơi thuộc Louisiana – Mỹ, khi đó thời tiết rất đẹp, trong xanh, bất ngờ rất nhiều xác các loài chim khác nhau rơi xuống đường, có cú mèo, chim gõ kiến và một số loài chim lạ khác, trong đó có cả những con chim giống chim hoàng yến. Có người nói rằng những con chim này khi băng qua đại dương gặp gió bão đánh và bị thổi vào đất liền, đến vùng này do nhiệt độ không khí giảm đột ngột, những con chim này trong quá trình bay đã bị đông cứng rồi rơi xuống. Thế nhưng cách giải thích này còn thiếu tính thuyết phục, vì trong quá trình bị thổi bay những con chim này có thể giảm độ cao bất cứ lúc nào hoặc rơi xuống đất chứ không hẳn do lạnh quá mà chết. Nguyên nhân thực sự dẫn đến cái chết của hàng loạt con chim đó đến nay vẫn chưa được làm sáng tỏ.

Tối ngày 26 tháng 9 năm 1950, hai cảnh sát Mỹ là Collins và Keenan lái xe cảnh sát đi tuần tra. Khi đi vào một con đường nhỏ vắng lặng, họ đã phát hiện trên bãi đất trống cách đó khoảng vài trăm mét một vật thể lạ phát ra ánh sáng đang rơi xuống. Hai người lập tức lái xe lại gần quan sát, cầm đèn pin soi thì thấy một đồng dạng keo màu tím, bề ngoài giống như mái nhà tròn. Đường kính khoảng 2 m, ở giữa dày khoảng 20-30 cm. Xung quanh dày khoảng vài centimet. Họ cảm thấy vật thể này có sự sống. Tắt đèn pin, họ nhìn thấy những tia màu tím yếu ớt phát ra từ vật thể kì lạ đó. Sau khi gọi trợ giúp từ cảnh sát qua điện thoại bộ đàm, hai cảnh sát nữa đến ngay sau đó. Họ định đưa vật thể này lên xe đưa về, nhưng khi Collins dùng tay chạm vào vật thể kì lạ kia thì nó liền vỡ ra. Những mảnh vỡ dính trên tay nhanh chóng tan ra, chỉ còn lại bột bong bóng không mùi vị. Sau 30 phút, vật kì lạ đó hoàn toàn biến mất, không hề để lại bất kì dấu vết nào.

Ngày 28 – 8 – 1962, ở Harrisburg Bắc California Mỹ có một người đang đi câu cá trên hồ bỗng nhìn thấy một quả cầu phát sáng từ từ rơi xuống nước. Ông lập tức chèo thuyền lại gần quan sát, phát hiện ra vật thể đó dưới đáy hồ. Qua làn nước hồ khá trong, ông có thể nhìn thấy rõ kích thước quả cầu đó tương đương một quả bowling, phát sáng và trên bề mặt có nhiều gai nhỏ. Sau khi lên bờ, ông lập tức báo cho cảnh sát. Khi cảnh sát tới, vật thể kì lạ đó đã biến thành những sợi kim loại phát quang. Họ lập tức đi tìm sự giúp đỡ của các tổ chức có liên quan. Cơ quan chuyên xử lí các chất gây nổ của quân đội Mỹ đã cử 3 thợ lặn đến, nhưng 7 giờ sáng hôm sau khi họ tới nơi thì vật thể lạ đó đã hoàn toàn bị hòa tan. Những người thợ lặn chỉ tìm thấy những lá nhôm ở dưới đáy hồ, rất giống với loại nhôm không quân dùng để gây nhiễu rada.

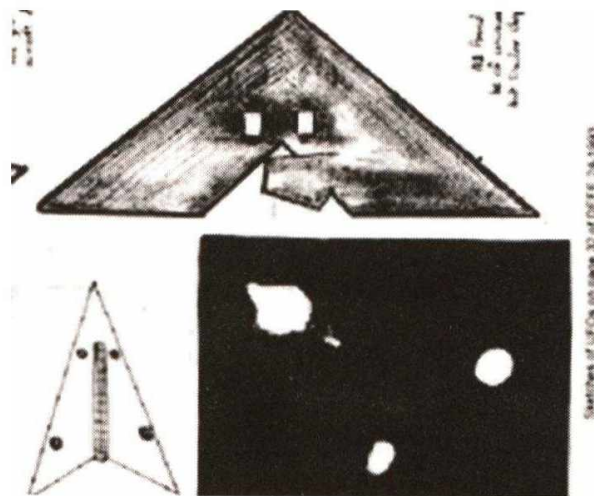
Có vô vàn cách để giải thích cho những vật thể lạ rơi xuống trái đất, có người cho hiện tượng này là do gió xoáy hoặc do lốc xoáy, có người cho rằng là hiện tượng “Tóc Tiên”, những vật thể dạng keo hoặc dễ tan là những sinh vật thông minh trong vũ trụ. Tuy nhiên cho dù giải thích như thế nào đều không có sức thuyết phục hoàn toàn.



28. BÍ ẨN VỀ NHỮNG VẬT THỂ BAY KHÔNG XÁC ĐỊNH

Trong vô vàn những bí ẩn về tự nhiên, vật thể bay không xác định có thể coi là thứ bí hiểm nhất. Từ hàng nghìn năm trước đến tận bây giờ có biết bao người đã tận mắt nhìn thấy những vật thể bay không xác định xuất hiện trên bầu trời. Gọi chúng là “vật thể bay không xác định” là vì chúng không phải là những vật thể chúng ta có thể dễ dàng phân biệt hoặc biết rõ như là những đàn côn trùng hoặc các đàn chim, những đám mây, hay những ngôi sao... cũng không phải những vật thể bay do con người tạo ra như máy bay, phi thuyền vũ trụ, vệ tinh nhân tạo... Tốc độ bay của chúng có lúc nhanh đến kinh ngạc, đến máy bay tiên tiến nhất cũng không thể đem ra so sánh, cũng có lúc lại bay vô cùng chậm, thậm chí chúng như lơ lửng giữa không trung.

Qua nhiều năm nghiên cứu và quan sát của các nhà khoa học, có thể lý giải những vật thể bay kì lạ mà con người nhìn thấy đa số có thể là sao băng, hành tinh, khí cầu, vật chất khí hoặc sự chuyển động của bầu khí quyển. Nhưng cũng có một số vật thể bay kì lạ không thể quy vào một trong những loại trên.



Phác thảo vật thể bay không xác định

Theo ghi chép về những vật thể bay không xác định, nó đã xuất hiện ngay từ thời cổ đại. Trung Quốc có lẽ có những tài liệu hình ảnh vật thể bay không xác định sớm nhất còn lưu giữ đến ngày nay. Trên một đỉnh núi hoa cương ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc đến nay vẫn còn lưu giữ những hình điêu khắc của người nguyên thủy. Trên đó vẽ rất rõ hình ảnh những sinh vật kì lạ và một số vật hình trụ tròn giống như phi thuyền vũ trụ ngày nay. Theo nghiên cứu, những bức điêu khắc đá này có từ khoảng 47.000 năm trước, khi đó loài người vẫn thuộc thời kì nguyên thủy.

Ghi chép bằng văn bản sớm nhất về vật thể bay không xác định có lẽ là một ghi chép trên giấy cói từ thời Ai Cập cổ đại. Nó đã ghi lại quá trình con người phát hiện ra vật thể bay không xác định. Sự việc này xảy ra từ năm 1504 trước công nguyên đến năm 1450 trước công nguyên, tức là vào khoảng 3500 năm trước. Trong văn bản này có viết những người ghi chép sử sách trong cung phát hiện ra trên trời xuất hiện một vòng lửa, không có đầu, có mùi hôi thối. Chiều dài của vòng lửa khoảng 1 can (đơn vị đo độ dài của người Ai Cập cổ đại), rộng 1 can, không có động tĩnh gì hết. Những người chứng kiến cảm thấy vô cùng hoang mang sợ hãi, nhất loạt quỳ xuống. Họ bẩm báo sự việc cho quốc vương. Vài ngày sau, quốc vương đứng cùng các binh sĩ trong doanh trại quân đội của mình quan sát hiện tượng kì lạ, nhìn thấy trên bầu trời xuất hiện ngày càng nhiều các vòng tròn lửa như thế, ánh sáng chói lòa che lấp cả ánh mặt trời, sau đó tản ra khắp bốn phương tám hướng. Sau bữa tối, những quả cầu lửa bay lên trời theo hướng nam. Quốc vương dâng hương cầu thần, cầu xin bình an, rồi hạ lệnh cho quan ghi chép sổ sách ghi lại, để truyền lại cho đời sau.

Mấy nghìn năm sau đó, ghi chép về các vật thể bay không xác định càng xuất hiện nhiều hơn ở nhiều quốc gia khác nhau. Dù nhiều người đưa ra nhiều dự đoán và giải thích khác nhau về những vật thể bay kì lạ này nhưng vẫn chưa có ai nói rõ được rốt cuộc đó là cái gì, điều này càng khiến con người ta thắc mắc và hiếu kì.

Ngày 24 tháng 6 năm 1947, phi hành gia người Mỹ Arnold đã lái máy bay đi tìm kiếm xác chiếc máy bay vận tải C-46 của hải quân Mỹ bị nổ trên núi Cascade. Chiều hôm đó thời tiết quang đãng, từ trên máy bay, Arnold có thể nhìn thấy rõ trong tầm hàng chục kilomet. Ông bay vòng vòng quanh đỉnh Neil hàng giờ đồng

hồ. Khi đang định bay vòng lại thì bất ngờ ở bên thân máy bay phát ra một tia sáng lạ chói mắt. Ông quan sát tìm kiếm xung quanh thì chỉ thấy chiếc máy bay DC-4 ở rất xa về phía sau bên trái, nhưng nó không thể phát ra được ánh sáng như thế được. Tia sáng một lần nữa lại xuất hiện, lần này ông đã nhìn thấy nơi phát ra ánh sáng, đó là 9 vật thể phát ra tia sáng đang bay lại từ núi Baker. Sau khi bay vòng qua đỉnh cao nhất, chúng chia thành hai nhóm bay, một nhóm có 4 chiếc, một nhóm có 5 chiếc. Arnold vừa may ở vào vị trí để quan sát, ông ước đoán những vật thể bay phát sáng này bay với vận tốc trên 2.000 km/h, gấp 3 lần vận tốc máy bay lúc bấy giờ. Arnold nhìn rất rõ những vật thể này dẹt như những chiếc bánh, và phản chiếu lại ánh sáng Mặt Trời giống như những tấm gương. Cách bay của chúng cũng rất đặc biệt và kì lạ, vừa giống như chiếc thuyền máy đi trên sóng to gió lớn, lại vừa giống như chiếc đĩa lướt qua mặt nước, từ lúc xuất hiện đến lúc biến mất chỉ khoảng 3 phút.

Sau khi sự việc này xảy ra đúng 10 ngày, vào ngày 4 – 7 lại xảy ra một chuyện khá thú vị: cơ trưởng và phi công lái phụ của một công ty hàng không liên doanh của Mỹ vừa cất cánh từ một sân bay ở bang Idaho liền gặp 5 vật thể bay phát sáng giống như Arnold đã gặp trước đó. Chỉ một, hai phút sau đó, 5 vật thể bay không xác định này cũng biến mất với tốc độ nhanh chóng đầy kinh ngạc như khi nó xuất hiện. Sau đó lại tiếp tục xuất hiện 4 vật thể bay khác. Liệu đây có phải là 9 vật thể bay mà Arnold đã nhìn thấy 10 ngày trước?

Tối ngày 4 tháng 9 năm 1957, 4 chiếc máy bay chiến đấu phản lực do thượng úy Farila của Bồ Đào Nha dẫn đầu đang bay trên độ cao 6.7000 m bỗng phát hiện trong không trung có vật thể bay hình dáng một ngôi sao, kích thước to lớn khác thường. Ở chính giữa, ánh sáng phát ra không ngừng thay đổi màu sắc, từ màu xanh lục đậm chuyển thành màu xanh da trời, rồi từ màu vàng chuyển thành màu đỏ. Vật thể bay này một lát lại thay đổi thể tích, tăng lên gấp 5,6 lần, lúc sau lại nhỏ lại chỉ như một chấm màu vàng không nhìn được rõ, cứ thế thay đổi vài lần liên, có thể là do nó di chuyển vị trí quá nhanh. Dù thượng úy Farila chỉ huy 4 chiếc máy bay chiến đấu thay đổi hướng bay nhiều lần nhưng những vật thể này vẫn ở mạn bên trái của máy bay. Lúc này vật thể không xác định đã chuyển sang màu đỏ tươi, rồi bỗng nhiên từ trong nó bay ra một vật thể phát quang màu vàng, sau đó lại có ba vật thể phát quang màu vàng như thế xuất hiện ở bên phải máy

bay. Không lâu sau, chúng lần lượt biến mất. Những phi công đều nhìn thấy rõ ràng nhưng ai cũng đều vô cùng kinh ngạc mà không thể giải thích được hiện tượng kì lạ này thực chất là gì?

Cuối năm 1978, ở Australia cũng xảy ra nhiều vụ vật thể bay không xác định. Hàng trăm nghìn người dân Australia đã tận mắt nhìn thấy những vật thể bay không xác định bay đi bay lại trên bầu trời. Có người còn chụp lại hình ảnh, đến rada không quân cũng phát hiện ra vật thể bay không xác định. Trong đó, sự mất tích của phi công Wallen càng khiến mọi người hoang mang trước những sự xuất hiện thần bí. Ngày hôm đó, phi công trẻ tuổi Wallen người Australia một mình lái một chiếc máy bay Cessna nhỏ bay qua eo biển Bass đến đảo King. Ngồi trong khoang lái, anh phát hiện ra ở gần hình như có một chiếc máy bay cỡ lớn có 4 đèn sáng, anh liền gọi điện về báo cáo với nhân viên quản lý đường hàng không Melbourne, thế nhưng nhận được trả lời là chỉ có một chiếc máy bay của anh đang bay trong khu vực đó. Sau đó anh lại tiếp tục báo cáo về trung tâm: “Nó bay về phía tôi theo hướng đông tây giống như đang chơi trò gì đó. Tôi không thể tính được tốc độ bay của nó. Nó dài... bây giờ nó lại bay thẳng đến trước mặt... có ánh sáng màu lục, bề mặt có ánh kim... Nó vừa bay qua trên tôi”. Một lát sau, động cơ máy bay của Wallen bắt đầu chuyển động tại chỗ không ổn định, có tiếng ồn, anh báo cáo về mặt đất: “Tôi tiếp tục bay về đảo King, nó đang lượn vòng phía trên tôi.” Sau đó thì người phi công trẻ cắt liên lạc. Khi tổng đài dưới mặt đất nghe được âm thanh cực lớn của kim loại va vào nhau, liên tục khoảng 17 giây, thì liên lạc đã hoàn toàn mất. Wallen và máy bay của anh mất tích luôn từ đó. Người ta cũng cố gắng thử tìm kiếm nhưng đến nay vẫn chưa tìm thấy.

Còn có những câu chuyện về việc gặp vật thể bay không xác định ở khoảng cách gần.

Vào lúc chiều tà ngày 2 tháng 11 năm 1971, ở gần Delfos bang Kansas nước Mỹ, cậu bé Johnson 16 tuổi đang dắt chó đi lừa dê vào chuồng. Bỗng cậu nhìn thấy một vật thể dạng nấm màu sắc rất đẹp đang lơ lửng cách mặt đất khoảng vài chục cen-ti-mét, chỉ cách cậu khoảng 10 m. Johnson ước tính đường kính của nó khoảng 3 m, nó phát ra tiếng kêu như tiếng kêu của máy giặt cũ. Sau đó, phần dưới của vật thể bay không xác định này phát ra một luồng sáng mạnh tới nỗi Johnson không nhìn thấy gì, sau đó thì vật thể đó bay mất. Vài phút sau, Johnson

bắt đầu khôi phục lại thị giác, cậu liền chạy về nhà kể lại cho bố mẹ nghe. Cả nhà lập tức đến nơi xảy ra sự việc, đều nhìn thấy vật thể bay không xác định đó, nhưng lúc này nó đã bay lên rất cao và nhanh chóng mất hút trên bầu trời. Họ phát hiện ra trên mặt đất có vết hình tròn phát sáng còn in lại, một số cây cối xung quanh đó cũng phát sáng. Sau đó nhân viên điều tra cho biết, đất ở nơi đây mịn và cứng hơn, giống như kết tinh lại vậy. Mẹ của Johnson là y tá trong bệnh viện, bà cho biết, khi chạm vào vết tích lưu lại trên mặt đất của vật thể bay không xác định, ngón tay của bà dường như bị tê lại cục bộ, mất đi cảm giác gần hai tuần. Một tháng sau, tuyết bắt đầu rơi, khi tuyết trên mặt đất tan hết, thì tuyết ở phía trên dấu vết của vật thể lạ kia vẫn không hề tan. Sau khi tiến hành phân tích, tìm hiểu phát hiện ra rằng lớp đất dưới vết đó đã không bị ngấm nước, hơn nữa lại vô cùng khô, đất khô ít nhất sâu đến 0,3 m.

Không chỉ có nhiều người nói rằng tận mắt nhìn thấy vật thể bay không xác định, thậm chí còn có người nói bản thân còn nhìn thấy những sinh vật thông minh lái những vật thể bay đó, có người còn tận tay sờ vào những vật dụng và thức ăn của chúng. Tuy nhiên những điều này rất khó tin, thiếu tính thuyết phục. Còn về vấn đề một số người nói rằng họ bị bắt lên những vật thể bay không xác định hoặc bị tiến hành kiểm tra toàn cơ thể, nhưng họ lại mất đi trí nhớ rõ ràng về những việc đã trải qua. Điều này lại càng khiến người khác khó tin hơn, họ thường bị người khác cười nhạo rằng họ định lừa người khác hoặc có vấn đề về thần kinh, hoặc bị mắng là kẻ điên.

Cho đến ngày nay, bí ẩn về những vật thể bay không xác định vẫn còn làm khó chúng ta. Trên thế giới có biết bao nhà khoa học và những người quan tâm đặc biệt tới những vấn đề này vẫn đang tiến hành quan sát, nghiên cứu không mệt mỏi. Họ muốn tìm hiểu nghiên cứu về những vật thể cao cấp hơn nên văn minh loài người gặp nhiều lần này và những sinh vật thông minh đã chế tạo ra những vật thể như thế, hi vọng có thể đóng góp những cống hiến vĩ đại đầy kinh ngạc cho nền văn minh nhân loại. Có thể những vật thể bay không xác định sẽ xuất hiện ngay trên đầu hoặc ngay bên cạnh chúng ta bất cứ lúc nào. Nếu bạn nhìn thấy vật thể bay không xác định, tuyệt đối đừng kinh ngạc mà hãy bình tĩnh quan sát. Sau đó ghi chép lại cẩn thận những gì quan sát được và cung cấp cho các tổ chức khoa học có liên quan.



29. NÓ Ở NGAY TRÊN BẦU TRỜI VÙNG TAM GIÁC BERMUDA

Ngày 5 tháng 12 năm 1945, một đội bay nhỏ gồm 5 máy bay phóng ngư lôi “kẻ báo thù” cất cánh từ căn cứ hải quân tại bán đảo Florida của Mỹ, tiến hành tập bay. Sau hai tiếng đồng hồ, căn cứ mất liên lạc với 14 phi công của đội bay. Căn cứ lập tức cho khinh khí cầu trợ giúp tìm kiếm, thế nhưng phi thuyền cũng như 5 máy bay kia đều một đi không trở lại.

Trước lúc mất liên lạc với đội bay, căn cứ địa nghe thấy tiếng hét của người hướng dẫn bay: “Đừng bắt tôi. Hình như họ đến từ ngoài vũ trụ!”. Sau đó suốt một thời gian dài, mọi người hầu như đều cho rằng việc này là do người ngoài hành tinh làm. Mới đây, một chuyên gia nghiên cứu về các vật thể bay không xác định người Mỹ là Badman cho biết, ông đã có những chứng cứ mới liên quan đến sự việc này (Bao gồm bức ảnh chụp của phi hành gia tàu vũ trụ Apollo) có thể chứng minh những chiếc máy bay hải quân đó đã bị phi thuyền của người ngoài hành tinh đem vào vũ trụ. Hơn nữa trong đó có một chiếc ở ngay phía trên vùng tam giác Bermuda, độ cao ước tính khoảng 10.000 km trên quỹ đạo và đang ở trạng thái “đóng băng”.

Máy bay chân vịt năm 1945 có thể bay lên độ cao bao nhiêu? Badman đưa ra ý tưởng như sau: Ngư lôi phóng ra từ những chiếc máy bay hải quân đe dọa đến sự an toàn của phi thuyền của người ngoài hành tinh đang ở dưới nước. Để tránh nguy hiểm, người ngoài hành tinh cho những phi thuyền bay lên khỏi mặt nước. Vì lúc đó vận tốc chuyển động của họ quá nhanh nên tạo thành một vòng xoáy bao quanh phi thuyền, kéo theo cả một lượng lớn nước biển và tất cả các máy bay của hải quân Mỹ ra ngoài vũ trụ.

Chuyên gia hàng không nổi tiếng của Mỹ Philip Klass tỏ ý nghi ngờ giả định trên, ông cho rằng giả thuyết của Badman còn lỗ hổng. Philip Klass cho biết: “ Tôi đã quan sát kĩ những ghi chép về đội bay này, không hề có chỗ nào thần bí kì lạ cả”. Hướng bay của đội bay là hướng đông, nhưng trong hành trình bay, người hướng dẫn mất phương hướng, ông yêu cầu cả đội bay bay theo hướng bắc. Bay theo hướng bắc đồng nghĩa với bay theo hướng Greenland, thế nhưng Greenland cách khá xa, mà lượng dầu thì có hạn, họ ắt sẽ có nguy cơ bị nổ máy bay từ đó dẫn đến tử vong.

Ông Klass còn cho biết: Rada của Mỹ có thể phát hiện được tất cả những vật thể chuyển động trên quỹ đạo Trái Đất. Độ phân biệt của loại rada này rất cao, có thể phát hiện ra được cả vật thể kim loại dài 3 cm trong vệ tinh nhân tạo, nhưng từ trước tới nay chưa hề phát hiện ra một vật to lớn như chiếc máy bay “kẻ báo thù”.

Người phát ngôn của cục hàng không Mỹ Achison cho biết, ông chưa hề nghe nói phi công nhìn thấy vật thể bay không xác định, cũng chưa hề nghe nói đã chụp được những bức ảnh nào như thế.

Cho dù như thế, Badman vẫn kiên quyết giữ quan điểm của mình, ông vẫn đang tiếp tục tìm kiếm chứng cứ để thuyết phục những người còn hoài nghi.



30. TIẾNG NỔ KỶ LẠ TRONG THIÊN NHIÊN

Thế giới tự nhiên hiện ra trước mắt chúng ta là một thế giới đầy màu sắc, ngoài những việc kì lạ chúng ta có thể thấy được bằng mắt. Có những tiếng động không phải là tiếng sấm hay động đất, cũng không phải núi lở hay sóng thần, có thể dùng tai nghe được nhưng rất khó giải thích.

Từ trước khi thuốc nổ ra đời, các ngư dân ở biển Bắc châu Âu đã quen nghe thấy “tiếng nổ sương”. Những ngày bình lặng nhiều sương thường có thể thấp thoáng nghe thấy những tiếng ùng ùng nhưng họ không biết âm thanh đó từ đâu tới. Những người sống ở quanh vùng châu thổ sông Hằng – Ấn Độ từ lâu đã biết tới giới những tiếng nổ rung xuất hiện vô cớ trong tự nhiên.

Năm 1896, một người tên là Scott viết bài trên tạp chí khoa học, anh nói khu làng mà anh sống, dân cư thưa thớt, họ không có súng, cũng không biết thuốc pháo là gì. Nhưng hàng ngày chắc chắn anh đều nghe thấy một tiếng nổ kì quặc. Ban ngày cũng thường nghe thấy, những ngày trời trong xanh và ban đêm âm thanh càng rõ hơn. Một buổi sáng tháng 5, anh và một người bạn nghe thấy một tiếng ùng ùng rõ ràng bên bờ sông Hằng, dường như ngoài vùng hạ lưu mười mấy kilômet có tiếng đại bác nổ. Không lâu sau, ở một chỗ cách đó không xa cũng truyền đến một âm thanh lớn. Tiếp đó lại có thêm hai tiếng như tiếng bắn của súng nòng cỡ lớn. Những người dân địa phương nghe những tiếng nổ kì quặc này dần cũng thành quen, nhưng không ai biết nó từ đâu đến.

Năm 1934, có một người Mỹ cũng thảo luận về những tiếng nổ bí ẩn này trên một tạp chí khoa học khác. Anh ta lớn lên ở miền Bắc bang New York (Mỹ), từ nhỏ đã nghe quen thứ âm thanh mà người ta thường gọi là “tiếng súng hồ Seneca”. Anh đã điều tra nguồn gốc của âm thanh này, nhưng không thu được kết quả nào.

Thung lũng sông Connecticut cũng truyền tới tiếng nổ đó. Những người Indian trong vùng nói, đó là tiếng gầm giận dữ của các vị thần. Tiếng nổ này còn

biến đổi thành nhiều dạng. Khi to giống như tiếng đại bác nổ. Khi nhỏ giống như tiếng súng bắn, trong đó còn thay đổi nhiều kiểu khác nhau. Ở đây cũng xảy ra động đất, độ mạnh nhẹ của động đất cũng giống như những tiếng nổ này vậy. Nhưng những lúc đó mà không có động đất thì lại hay xảy ra những hiện tượng khác. Vì vậy tiếng nổ dẫn đến động đất hay là động đất dẫn đến tiếng nổ vẫn là một câu đố chưa có lời giải.

Thập niên 90 thế kỷ XIX, giới khoa học bắt đầu nghiên cứu xem loại tiếng nổ tự nhiên này là gì. Một người Bỉ đã thu thập được rất nhiều tài liệu, trong đó bao gồm mấy trăm tài liệu ghi chép liên quan đến “tiếng nổ sương” từ Iceland tới vịnh Biscay. Ông còn khiến con trai nhà sinh vật học nổi tiếng Darwin, chuyên gia thủy triều George Darwin phải chú ý đến vấn đề này. Kết quả là các báo và tạp chí đều đăng rất nhiều những báo cáo có liên quan đến tiếng nổ thiên nhiên kì lạ này.

Các cách giải thích phong phú đủ kiểu nhanh chóng được đưa ra. Người Bỉ đó cho rằng, những tiếng nổ lớn đó có thể là một số hiện tượng phóng điện đặc biệt, nói cách khác là sấm. Nhưng trời nắng thì lấy đâu ra sấm? Một người bạn của ông ta lại cho rằng, tiếng nổ đến từ sự dao động của vật chất ở trạng thái lỏng từ trong lòng đất, cũng giống như nguyên lý vật chất ở trạng thái lỏng trong lòng đất gây ra động đất vậy. Nhưng cách lý giải này khi đó cũng không được mấy người tán thành, vì dung nham trong lòng Trái Đất có thể truyền đi sóng địa chấn. Nhưng dung nham không thể phát đi tiếng động của loại chất lỏng mà anh ta tưởng tượng ra.

Vì tiếng nổ này thường xuất hiện ở khu vực ven biển và đồng bằng châu thổ sông nên có người cho rằng đó có thể là do những vật trầm tích dưới đáy biển không ngừng tăng lên, khiến cho mặt đất chìm xuống mà tạo nên tiếng nổ. Nhưng mặt đất chìm như vậy phải tạo ra các cơn sóng lớn, thậm chí là sóng thần, nhưng thực tế lại không xảy ra.

Cũng có người cho rằng đây là tiếng đá vôi bị nứt vỡ. Nhưng nếu âm điệu tiếng đá vôi bị nứt vỡ phát ra phải cao hơn âm thanh của phần lớn các tiếng nổ tự nhiên, là những tiếng lách tách chứ không phải những tiếng ùng ùng. Huống hồ chỉ có ở vùng núi mới có thể xảy ra hiện tượng đá bị nứt vỡ còn đồng bằng châu thổ sông Hằng lại là nơi trũng thấp.

Những người Philipin đều cho rằng, những tiếng kì lạ đó là tiếng sóng biển xô bãi cát hoặc tràn vào hang đá gây nên, thường khi bão sắp đến sẽ nghe thấy tiếng này. Có khi bão sẽ đẩy hàng loạt các con sóng lên, tiếng nổ sẽ truyền đi xa hàng nghìn ki-lô-mét, thế nên rất nhiều nơi trước khi bão đến tiếng nổ đã truyền đến rồi, Trong tình trạng bầu khí quyển đặc biệt thì tiếng nổ còn có thể được truyền xa hơn. Tuyết tích trên núi cũng có thể phản xạ âm thanh, khiến cho tiếng nổ nghe như đến từ trong đất liền. Nhưng một học giả đã chỉ ra rằng, cách giải thích này rất miễn cưỡng, vì bão không phải có thường xuyên.

Mùa đông năm 1977, cư dân ven biển Đông Bắc nước Mỹ nghe thấy tiếng nổ ùng ùng từ phía Đại Tây Dương, có người cho rằng trong đó có thể là tiếng ồn của một loại máy bay chở khách. Ngoài ra có thể là do bầu khí quyển ở phía xa bị rung động, nhờ vào trạng thái đặc biệt của bầu khí quyển mà âm thanh truyền xa tới hơn vài trăm ki-lô-mét. Họ cho rằng, bầu khí quyển đạt đến một nhiệt độ và mật độ nhất định có thể sinh ra hiệu quả như hiện tượng ảo ảnh, truyền âm thanh càng xa hơn. Nhưng đây chỉ là một suy đoán, chưa được thông qua nghiên cứu khoa học nghiêm túc, nên càng không phải là một đáp án chắc chắn.

Loại tiếng nổ đến từ tự nhiên này rốt cuộc là do nguyên nhân gì và phản ánh hiện tượng tự nhiên nào, bây giờ vẫn còn là một bí ẩn.



31. NƯỚC ĐANG QUẤY PHÁ

Khi học tiểu học, nhân một cơ hội ngẫu nhiên tôi được tới một vùng đồng cỏ bát ngát vào mùa hè. Tôi đã phát hiện ra một “cảnh tượng kì lạ”: một cơn mưa lớn đang ào ào đổ xuống một nơi cách đó không xa. Dòng nước lớn từ trên trời đổ xuống dịch chuyển dần về phía tôi. Sau đó, tôi và người bạn đi cùng đã nhảy lên một chiếc xe tải lái như bay, coi như đã thoát được một trận mưa to đang áp sát mình. Từ xa nhìn lại, cánh đồng bị màn mưa bao phủ, cả bầu trời là một màn mây đen mù mịt. Một cây cầu vồng xinh đẹp hiện ra từ phía mép đám mây đen, tan trong không trung. Giờ đây nhìn lại, “cảnh tượng kì lạ” đó chẳng qua là những đám mây nặng nước mưa trong quá trình bay lên gặp phải không khí lạnh nên rơi xuống thành một trận mưa rào vẫn hay gặp trong mùa hạ.

Nhưng trong tự nhiên, còn có một số hiện tượng nước rơi và nước chảy kì lạ mà đến giờ vẫn chưa giải thích được. Theo những tài liệu ghi chép được, trung tuần tháng 10 năm 1886, tại một thành phố bang Bắc Carolina Mỹ, người dân ở phía đông nam thành phố đã tận mắt chứng kiến một hiện tượng đáng ngạc nhiên diễn ra liên tục trong 3 tuần liền: trong một khoảng thời gian, cứ 3 giờ chiều đều đặn mỗi ngày, ở cùng một địa điểm đều mưa đều đặn trong vòng nửa tiếng, hơn nữa mưa chỉ rơi ở chỗ đất trống giữa hai cái cây, khi mưa rơi bầu trời trong xanh, ánh nắng rực rỡ. Nhân viên dự báo thời tiết vùng này nói, anh đã tận mắt trông thấy, có khi mưa rơi ở diện tích lớn hơn nhiều. Nhưng chỗ trung tâm nước rơi xuống vẫn là giữa hai cái cây. Chuyện tương tự đã xảy ra ở bang Pennsylvania, nhưng loài cây mà mưa rơi xuống không phải là cây sồi đỏ mà là cây đào.

80 năm sau, tháng 6 năm 1966, tại bang Texas của Mỹ, một cây hòe ở trong vườn chảy ra một dòng nước. Theo lời các nhân chứng và chủ vườn Morse, dòng nước chảy ra từ một hốc cây cách mặt đất gần 6 m, dù lượng nước không nhiều, nhưng trong vòng 12 giờ cũng thu được 3 lít nước. Ngoài ra còn có báo cáo nói, có một cái cây trong 47 ngày chảy ra 20 lít nước. Và khi trên cây chảy nước thì ngoài

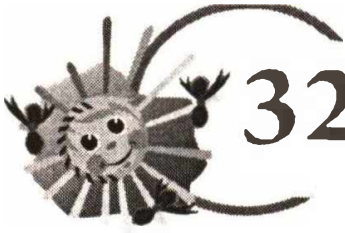
trời không hề có mưa. Những người mê tín coi những cây này là cây thần. Họ không thể hiểu được dưới bầu trời trong xanh, trên cây đại thụ sao có thể chảy ra một dòng nước?

Năm 1963, gia đình Martin sống ở bang Masachuset Mỹ đã bị tấn công bởi một dòng nước bí mật trong nhà, gần như không thể sống yên ổn được. Cho dù người nhà này đã liên tục chuyển nhà nhưng dòng nước vẫn chảy xuống từ trên tường, trên trần nhà, khi rời đến thành phố khác ở, điều này lại bắt đầu tái diễn. Đây là một ví dụ về một gia đình bị dòng nước kì lạ quấy nhiễu. Một loại khác là những câu chuyện có liên quan tới một người nào đó. Eugenio là một cậu bé 9 tuổi ở đảo Sardinia. Khi bác sĩ kiểm tra gan cho cậu, trên sàn nhà xung quanh giường cậu bé nằm bắt đầu rỉ ra rất nhiều nước. Cậu bé đã đi 5 chỗ khám, nhưng chỉ cần ga trải giường trải xong. Hiện tượng kì lạ này lại lập tức xuất hiện. Các ngành liên quan đã phái nhân viên kỹ thuật tới. Họ đã kiểm tra cơ sở vật chất của căn nhà, đến tận ống khói, nhưng không tìm được bất cứ vết tích nào đủ để chứng thực nước có nguồn, điều này khiến người ta không thể hiểu nổi.

Tại Norfolk của Anh còn xảy ra một chuyện ly kì hơn: 70 năm về trước, cuối tháng 8 năm 1919, trần nhà của mấy phòng trong nhà một mục sư ở nông thôn đều rỉ ra “dầu thô”. Một số nhân chứng nói, họ trông thấy “dầu thô” từ trên tường rỉ ra. Ngày mùng 2 tháng 9, người ta đã thu được tổng cộng 25 lít dầu thô, nhưng thứ được gọi là “dầu thô” này không tinh khiết mà là hỗn hợp của mấy loại nước và hợp chất hữu cơ. Có người đoán là, nhà của mục sư xây trên một mỏ dầu? Vì khí bốc hơi lên từ loại dầu hỗn hợp này có hại cho con người, nên ngôi nhà này bị bỏ không. Người ta lật nóc nhà, bở tường ra để tìm hiểu căn nguyên, nhưng chẳng thấy dấu vết nào bất thường cả.

Những chuyện tương tự như những giọt nước nóng to rơi xuống từ trên trời trong điều kiện tiết trời trong xanh, mưa chỉ rơi ở một phạm vi rất nhỏ. Dù khiến người ta không thể lý giải được, nhưng thông qua điều tra về địa hình, tình hình hoạt động của núi lửa ở địa phương, cùng với những đặc điểm khí hậu, thông thường có thể có được cách giải thích. Nếu nước chỉ rơi xuống ở một phạm vi rất nhỏ, hơn nữa lại rất đúng giờ, và sự thực không bị thổi phồng, thì đây đúng là vấn đề rất đáng nghiên cứu. Sự việc có thể chỉ liên quan tới một phạm vi môi trường nhỏ của địa phương, như mạch nước ngầm hay ống dẫn nước. Chúng ta biết rằng,

không ít nơi trên thế giới tồn tại các mạch nước phun. Sông ngầm dưới lòng đất, thời gian ngắt quãng của dòng nước có lúc rất chính xác, như có người điều khiển bí mật vậy. Còn đối với hiện tượng nước trào ra từ hốc cây, tin rằng cũng có liên quan tới mạch nước ngầm của vùng đó. Không nên dựa vào nước mưa để tìm câu trả lời. Nhưng không phải tất cả các hiện tượng kì lạ có liên quan tới nước rơi xuống hay những dòng nước, đều có thể đưa ra một giải thích thỏa đáng. Có những cây chứa lượng nước lớn, một khi cây bị thương, nước có thể sẽ trào ra từ miệng vết thương. Nhưng cây sồi và cây đào không phải là loại cây có thể hút nhiều nước. Vì thế hiện tượng này đối với cây sồi và cây đào mà nói là tương đối kì lạ và đặc biệt. Phía trên có nói đến hiện tượng trong nhà bị rỉ ra “dầu thô”, chắc rằng đó cũng là nước đang giở trò quỷ phá. Nếu vật liệu gỗ làm nhà là gỗ thông, nó có thể rỉ ra dầu thông, khi thời tiết nóng nực còn có thể nhỏ thành giọt. Một số gỗ cây khác cũng sẽ rỉ ra chất lỏng, những chất lỏng này trộn lẫn với nước, có lẽ sẽ khiến cho một số người tin vào hiện tượng kì lạ nghĩ đó là dầu thô.



32. VỤ NỔ BÍ ẨN TRÊN BẦU TRỜI THÁI BÌNH DƯƠNG

Năm 1984, một vụ nổ lớn bí ẩn đã xảy ra trên bầu trời Thái Bình Dương, đến nay vụ nổ này vẫn để lại trong lòng người ta nhiều câu hỏi khó giải thích.

Đêm ngày 9 tháng 4 năm đó, một chuyến bay của công ty hàng không Nhật Bản cất cánh từ sân bay Narita Tokyo, bay tới Anchorage bang Alaska, Mỹ. Khi máy bay sắp sửa đáp xuống Anchorage, một sự việc kì lạ đã xảy ra: phía trước máy bay bốc lên một đám mây hình nấm khổng lồ, độ cao lên tới mười nghìn mét. Đám mây không ngừng mở rộng ra xung quanh, hiện lên sáng chói giữa bầu trời đêm. Phi công lái chuyến bay đó phán đoán, đám mây khổng lồ đó không giống với mây đen tích mưa thông thường của mùa hạ, mà giống như nấm mây xuất hiện trong những vụ nổ hạt nhân. Đoàn bay lập tức thông báo với trung tâm hỗ trợ từ mặt đất, tránh xa nấm mây khổng lồ đó.

Đêm hôm đó, những người ngồi trong một chuyến bay của công ty hàng không Hà Lan cũng tận mắt chứng kiến nấm mây khổng lồ này. Nhưng sớm hơn so với chuyến bay ở Nhật Bản 50 đến 60 phút. Cơ trưởng trên chuyến bay chở khách Hà Lan báo cáo với trung tâm hỗ trợ từ mặt đất rằng, anh nhìn thấy chớp sáng trắng cực mạnh, ngay sau đó xuất hiện nấm mây khổng lồ. Chứng kiến cả quá trình này còn có những người trên hai chuyến bay có cùng đường bay vào đêm hôm đó.

Các cơ quan hữu quan Mỹ, sau khi phân tích báo cáo của những nhân chứng trên, đã ra lệnh cho bốn chuyến bay hạ cánh tại cơ sở của không quân Mỹ tại Anchorage, tiến hành kiểm tra nhiệm phóng xạ. Nhưng kết quả cho thấy không có bất cứ dấu vết nào của việc nhiễm phóng xạ.

Cơ trưởng chuyến bay của công ty hàng không Nhật Bản kiên quyết cho rằng, chỉ có những vụ nổ cực mạnh mới có thể hình thành nấm mây như vậy. Nhưng

theo tư liệu do bộ phận khí tượng cung cấp. Ngày hôm đó tại vùng biển đó không tiến hành bất cứ một thí nghiệm hạt nhân nào, cũng không có núi lửa phun trào. Hơn nữa khi phát hiện thấy đám mây có hình nấm, trên vùng biển đó cũng không có khả năng hình thành mây tích mưa.

Sau chuyện đó, các cơ quan hữu quan của cả Nhật Bản và Mỹ đều lần lượt tiến hành nhiều cuộc điều tra tại nơi xảy ra sự việc. Phân tích bụi khí quyển, phát hiện cường độ phóng xạ của bụi cao gấp nhiều lần so với khu vực khác. Kết luận này cho thấy, đám mây hình nấm khi đó rất có thể là do một vụ nổ hạt nhân tạo thành.

Sự kiện này khiến người ta nhớ đến một sự kiện tương tự xảy ra tại phía Tây Nam lục địa châu Phi năm 1979. Ngày 22 tháng 9 năm 1979, vệ tinh gián điệp Mỹ đã chụp được ảnh một vụ nổ mạnh tại vùng biển phía Tây Nam châu Phi. Phân tích từ ánh sáng mạnh trong bức ảnh, vụ nổ chỉ diễn ra trong vài giây, rất có khả năng là một vụ nổ hạt nhân. Nhưng lúc đó, những quốc gia có vũ khí hạt nhân không thể tiến hành thử nghiệm hạt nhân ở một nơi xa như vậy được. Cũng có người cho rằng, đó có thể là chớp, ánh sáng mặt trời hoặc do thiên thạch tạo thành, hoặc là bản thân vệ tinh gián điệp có trục trặc. Qua phân tích thì những khả năng này là không thể. Vậy phải chăng một quốc gia nào đó đã bí mật tiến hành thử nghiệm hạt nhân? Sự thật đã phủ định suy đoán này. Năm 1980, viện khoa học Mỹ đã đăng một báo cáo nghiên cứu có liên quan tới sự kiện này, ánh sáng mà vệ tinh gián điệp chụp được là do thiên thạch và vệ tinh va chạm tạo nên. Nhưng nửa năm sau, vệ tinh gián điệp này lại quay được một vụ nổ cực mạnh giống như lần trước trên cùng vùng trời phía trên vùng biển đó, thế là kết luận của viện khoa học Mỹ cũng không đứng vững nữa.

Vậy những vụ nổ lớn đó là gì?

Có người cho rằng, những vụ nổ cực mạnh đó chỉ đơn thuần là những hiện tượng tự nhiên, là kết quả của nhiều loại nhân tố ngẫu nhiên kết hợp lại cùng một lúc. Nhưng cái gọi là “kết hợp ngẫu nhiên” tại sao lại liên tục xảy ra ở cùng một vùng biển, cách giải thích này rõ ràng là thiếu thuyết phục.

Đầu năm 1986, bài báo trên “New York Times” Mỹ đã hé lộ rằng Mỹ đang tiến hành “cuộc chiến gián điệp năng lực đặc biệt”. Theo tin này, cục tình báo trung ương Mỹ đang tiến hành cuộc huấn luyện chiến đấu gián điệp cho những

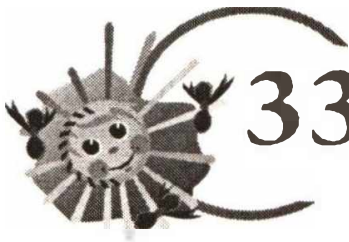
người có năng lực đặc biệt xuất sắc nhất trên toàn nước Mỹ. Nhưng không chỉ có Mỹ, bài viết của phóng viên nổi tiếng của Mỹ Jake Anderson cho biết, từ năm 1976 trở lại đây, dưới lòng đất khắp cả nước Mỹ, bộ chỉ huy chiến đấu đã sắp xếp những “người lính có năng lực đặc biệt”, còn Liên Xô sớm cũng đã tiến hành thử nghiệm vũ khí năng lượng cao sử dụng “năng lực đặc biệt của con người”. Ông liệt kê năm 1958, ở dãy núi Ural của Liên Xô từng xảy ra một vụ nổ hạt nhân kì lạ, năm 1963, tàu ngầm hạt nhân Thresher của Mỹ cũng đã bí mật lặn xuống đáy biển. Hai sự kiện này được cho rằng có liên quan tới những nghiên cứu nói trên của Liên Xô và Mỹ. Nhưng lập luận của Jake Anderson chỉ là tiếng nói của một cá nhân. Đến nay cả Mỹ và Liên Xô đều chưa tỏ rõ thái độ của mình trước vấn đề này.

Còn có một số nhà khoa học vẫn kiên trì cho rằng, không thể loại trừ khả năng các vụ nổ quy mô lớn này chỉ là một hiện tượng tự nhiên. Vì một lý do nào đó mà chúng ta vẫn chưa biết, khiến cho lượng lớn khí đốt tập trung lại, trở thành điều kiện cho một vụ nổ lớn. Tuy nhiên cách giải thích này vẫn cần được chứng minh, vì cho dù lượng lớn các khí đốt có thể tập trung lại, vậy “ai” đã dùng cách gì để có thể đốt chúng?



Một vụ nổ bí ẩn chưa có lời giải

Có một điều có thể khẳng định, đó là những vụ nổ lớn bí ẩn như vậy sau này vẫn có thể tiếp tục xảy ra, nó sẽ cung cấp cho chúng ta nhiều đầu mối hơn nữa để đi đến một đáp án chính xác.



33. NÚI PHÚ SĨ CÓ PHUN LỬA TRỞ LẠI KHÔNG ?

Nếu nói rằng hoa anh đào rụng rã như áng mây trong tiết trời xuân chính là sự khắc họa cho vẻ đẹp của xứ sở Phù Tang thì núi Phú Sĩ phủ đầy tuyết trắng nhiều năm nay đã trở thành biểu tượng của Nhật Bản. Tuy nhiên, thời kì gần đây, núi Phú Sĩ lại trở thành đề tài của các nhà núi lửa học và địa chấn học. Người Nhật Bản cũng vô cùng lo lắng rằng liệu núi Phú Sĩ có lại phun trào nữa hay không?

Sự việc bắt đầu từ mùa hè năm 1987. Một tin kinh hoàng nhanh chóng lan truyền khắp đất nước Nhật Bản: “Đỉnh núi Phú Sĩ xảy ra một trận động đất có thể cảm nhận thấy được”. Vì ký ức về cảnh tượng núi lửa Mihara phun trào mấy năm trước vẫn còn như mới, mọi người đương nhiên không dám lơ là.

Nhật Bản nằm trong vành đai động đất Thái Bình Dương, là một quốc đảo nhiều núi lửa, nhiều động đất. Từ xưa đến nay chịu rất nhiều thiệt hại. Núi Phú Sĩ vốn được coi là một ngọn núi lửa đã chết, nổi bật trên nền trời, núi Phú Sĩ hùng vĩ tráng lệ là thánh địa du lịch của tất cả mọi người. Từ năm 1707, khi núi Phú Sĩ phun trào lần cuối cùng cho đến nay đã hơn 300 năm, nó luôn giữ được vẻ đẹp yên bình. Người ta dần quên đi nó đã từng là một ngọn núi lửa còn hoạt động. Trên thực tế, tính đến lần cuối cùng núi Phú Sĩ phun trào, thì lịch sử đã ghi lại hơn 10 lần phun trào khác trong lịch sử.

Đối với động đất cảm nhận được xảy ra lần này trên đỉnh núi Phú Sĩ, cảm nhận rõ nhất là những nhân viên kỹ thuật của trạm dự báo thời tiết phòng khí tượng Nhật Bản được xây trên đỉnh núi. Kể từ năm 1932, trạm dự báo thời tiết được xây cho tới nay. Đây là lần đầu tiên theo dõi thấy đỉnh núi Phú Sĩ xảy ra địa chấn có thể cảm nhận thấy được. Ngày 20 tháng 8 năm 1987, phòng khí tượng lần đầu tiên ghi lại cơn chấn động cảm nhận được này, năm ngày sau công bố trước toàn thế giới. 5 giờ 56 phút sáng hôm đó, năm nhân viên trạm dự báo thời tiết trên đỉnh núi bị động đất đánh thức, độ chấn động là 3 độ richter. Nhưng những

người sống dưới chân núi Phú Sĩ và khu vực lân cận không hề phát hiện thấy động đất. Sau đó, ngày 23, 24 tháng 8 lại tiếp tục xảy ra những cơn chấn động có thể cảm thấy được như vậy.

Người ta cho rằng những trận động đất trên đỉnh núi Phú Sĩ hơi đột ngột. Thực ra hàng năm bên dưới núi Phú Sĩ vẫn xảy ra vài trận động đất (đây là lần đầu tiên xảy ra động đất có thể cảm thấy được). Do số liệu không đầy đủ, nên muốn tìm ra nguyên nhân xảy ra hàng loạt các trận động đất có thể cảm thấy được trên đỉnh Phú Sĩ vẫn còn là vấn đề thời gian. Các cơ quan nghiên cứu động đất trên khắp Nhật Bản đã tập trung lực lượng, thu thập rộng rãi mọi tư liệu về các trận động đất trên núi Phú Sĩ.

Hiện nay, những nghiên cứu về mối quan hệ bên trong giữa động đất và hoạt động của núi lửa vẫn chưa đủ sâu. Thông thường, cơ quan nghiên cứu thường chỉ nghiên cứu động đất hoặc chỉ nghiên cứu núi lửa, giống như Kimura Massaki nổi tiếng một thời khi núi lửa Mihara phun trào. Những người nghiên cứu mối quan hệ giữa động đất và núi lửa vô cùng ít. Hiện nay có rất nhiều người và cơ quan nghiên cứu Nhật Bản đang tiến hành nghiên cứu, quan sát ở vùng biển phía Đông Trung Quốc. Nhưng có rất ít người nghiên cứu xem núi Phú Sĩ trong tương lai có hoạt động lại nữa hay không? Vì thế nên có người nói, núi Phú Sĩ có thể sẽ phun trào trở lại, nhưng trong ngày mai, hay trong vài trăm năm nữa, không ai nói rõ được. Cũng có người chỉ ra rằng, một tháng rưỡi sau khi xảy ra trận động đất tháng 10 năm 1707, núi Phú Sĩ đã phun trào rồi, giữa những điều này dường như tồn tại quan hệ nguyên nhân – kết quả. Tuy nhiên hiện nay rất ít người bàn tới sự liên quan giữa động đất tại biển Đông Trung Quốc với việc núi Phú Sĩ phun trào. Một phó Giáo sư trường đại học Yamanashi Nhật Bản đã trèo lên đỉnh núi Phú Sĩ để thu thập bom núi lửa. Ông phát hiện ở chéch phía bên miệng núi lửa có một cái hố sụt có đường kính khoảng hai mươi mét. Hơn nữa theo phán đoán của ông, đây không phải là dấu vết cũ. Nhưng trong tay ông không có sẵn những tư liệu tranh ảnh để so sánh.

Hiện nay những hồ ao giữa Oshino Hakkai gần núi Phú Sĩ và thành phố Yoshida đều đã cạn trơ đáy. Mực nước trên những sông hồ được mệnh danh là “Phú Sĩ ngũ hồ” giảm mạnh. Điều này cho thấy khả năng giữ nước dưới lòng đất của núi Phú Sĩ đã không còn như trước. Oshino Hakkai được coi là kỳ niệm thiên

nhiên quốc gia Nhật Bản năm đó nước suối dâng cao, cảnh tượng đẹp đẽ đó giờ không thể thấy được nữa, trong đó “vùng đất xuất khẩu” mùa xuân năm 1987 đã gần như không còn một giọt nước. Người ta cho rằng hiện tượng dị thường này có liên quan đến những vận động đang xảy ra dưới lòng đất. So với những năm trước, lượng nước tại thác nước phía Tây chân núi Phú Sĩ đã thấp hơn nhiều. Dòng thác này được tạo thành do sự hội tụ nước sông và nước ngầm bên dưới núi Phú Sĩ thấm qua các tầng dung nham. Trước đây, dòng thác này cao gần hai mươi mét, rộng tới hai trăm mét, hàng trăm dòng nước uốn lượn như dải lụa men theo vách đá ào ào đổ xuống, cảnh tượng tráng lệ vô cùng. Những thay đổi này đã gây ảnh hưởng không tốt tới ngành du lịch. Tuy rằng cơ quan địa phương có ý định phủ nhận, nhưng rất khó thuyết phục mọi người. Ai cũng mong rằng các cơ quan chức năng sẽ nhanh chóng đưa ra được các đối sách – nếu núi Phú Sĩ thực sự sẽ phun trào trở lại, thì phải làm thế nào?



Núi Phú Sĩ

Vì núi Phú Sĩ nằm ở vị trí rất đặc biệt, lần núi lửa phun trào năm 1707 đã tạo thành thảm họa cho cả một vùng rộng lớn kéo dài từ Kanto tới miền Trung Nhật Bản, ảnh hưởng trầm trọng tới kinh tế Nhật Bản. Các học giả cho rằng nên chuẩn bị phòng tránh trước khi sự việc xảy ra, phải kịp thời hoạch định đối sách. Bây giờ, mọi người chí ít cũng nên nhận thức rằng núi Phú Sĩ cho dù thế nào, cũng là một ngọn núi lửa.



34. BÍ ẨN VỀ THIÊN THẠCH TUNGUSKA

Đây là chuyện xảy ra vào hơn 100 năm về trước, nhưng đến nay dường như vẫn vẹn nguyên trong ký ức mọi người. Buổi sớm bình minh ngày 30 tháng 6 năm 1908, trên bầu trời gần khu vực hồ Baikal Siberia và sông Tunguska, đột nhiên xuất hiện một quang sáng chói lọi, nó phát ra một tiếng nổ vang trời như tiếng sấm vạ. Trong chớp mắt bay vụt từ phía đông sang phía tây bắc. Ở nơi cách đó hàng nghìn kilômet vẫn nghe thấy tiếng nổ như tiếng sấm tuyến lại từ phía xa. Vật thể phát sang đó nổ tung, khiến cả cánh rừng nguyên sinh Siberia trải rộng 2000 km² đã bị hủy hoại, còn có 1500 con tuần lộc bị chết. Vụ nổ đã kéo theo động đất và những chấn động dị thường của không khí, những cư dân Irkutsk sống đó 970 km đã cảm nhận thấy những chấn động trong không khí một giờ sau vụ nổ. Ở Potsdam xa xôi cách đó hơn 5000 km sau 4 giờ 14 phút cũng ghi lại được chấn động. Máy đo động đất tại Washington Mỹ 8 giờ sau cũng ghi lại được sóng địa chấn của vụ nổ này. Vụ nổ ở Tunguska là vụ nổ lớn bất thường. Nhưng do khu vực này đều là rừng nguyên sinh, dân cư thưa thớt nên khi đó giới khoa học và các tầng lớp trong xã hội đều không coi trọng nó lắm.

Năm 1917, nhà khoa học Nga Kulik đã dẫn một đoàn thám hiểm tới Siberia, tiến hành khảo sát ở nơi cây cối bị tàn phá với số lượng lớn, phát hiện thấy gần đó có những hố tròn chứa đầy nước, tạo thành các đầm lầy. Ông cho rằng, những hố tròn này được tạo thành do thiên thạch rơi xuống khi xảy ra vụ nổ. Kulik vận chuyển các loại máy móc vào trong khu rừng, nghiên cứu tỉ mỉ vùng xung quanh hố tròn và dưới đáy. Cuối cùng vẫn không thấy tung tích gì của những mảnh vụn thiên thạch. Cũng có nghĩa là không thể chứng minh những hố tròn này là hố thiên thạch. Cho tới nay, vụ nổ lớn ở Tunguska vẫn là một tấm màn bí ẩn.

Thế chiến thứ hai vừa kết thúc, hai vụ nổ bom nguyên tử ở Nhật Bản thu hút sự chú ý của mọi người trên khắp thế giới, những vấn đề của vụ nổ lớn tại Tunguska lại được nhắc đến. Thậm chí có người nói rằng, trong vụ nổ đó đã xuất

hiện vật thể phát ra ánh sáng trên bầu trời, lại sinh ra sóng chấn động cực lớn, liệu đây có phải là một vụ nổ hạt nhân? Bắt đầu từ năm 1958, Viện khoa học Liên Xô đã lần lượt phái rất nhiều đoàn khảo sát tới Siberia, tiến hành khảo sát và nghiên cứu vụ nổ năm 1908 tại Tunguska trên quy mô rộng lớn và vô cùng tỉ mỉ. Dựa trên rất nhiều số liệu, họ rút ra kết luận, vụ nổ không xảy ra trên mặt đất, mà xảy ra trên không với độ cao hàng nghìn mét, do một ngôi sao chổi không lớn lắm va vào tầng khí quyển Trái Đất với vận tốc từ 35.000 m/s tới 40.000 m/s. Những vi hạt vật chất, chất khí trong sao chổi do bị ma sát với bầu khí quyển nên trong chớp mắt đều bốc hơi hết. Những mảnh vụn tương đối lớn đã hóa thành bụi trong độ cao hàng nghìn mét. Sau vụ nổ, trên mặt đất không tìm thấy bất cứ miếng thiên thạch nào. Ngôi sao chổi này bay tới Trái Đất từ phương Đông, cũng là phía mặt trời mọc, vì vậy nó bị che lấp trong ánh sáng của mặt trời nên không có ai nhìn thấy nó trước. Tuy rằng ngôi sao chổi này không lớn, nhưng vụ nổ này cũng tương đương với sức nổ của 4 triệu tấn thuốc nổ cực mạnh TNT, cũng có nghĩa là tương đương với 200 quả bom nguyên tử ném xuống Hiroshima cùng nổ một lúc, uy lực của nó thật khủng khiếp.

Kết luận khảo sát của các nhà khoa học Liên Xô khiến người ta cảm thấy hài lòng. Nhưng một nhà khoa học khác của Liên Xô tên là Casa Maltsev lại đưa ra một suy đoán khác. Ông nói, hiện tượng sinh ra từ vụ nổ Tunguska rất giống với một vụ nổ hạt nhân, hơn nữa còn tạo ra bức xạ hạt nhân. Liệu đây có thể là một phi thuyền vũ trụ bên ngoài không gian xảy ra tai nạn và tạo thành vụ nổ không? Không cần nói cũng thấy, lúc đó suy đoán này mang nhiều phần viễn vông hơn là khoa học.

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, điều làm người ta kinh ngạc là, hiện thực đã cung cấp ngày một nhiều những chứng cứ cho suy đoán của Casa Maltsev. Dưới kính hiển vi, các nhà khoa học phát hiện bùn lầy ở khu vực Tunguska có chứa vật chất silicat và hạt khoáng sắt từ có kích thước vài mi-li-mét, có hạt sắt từ còn tạo thành hình tràng hạt, trong vật chất silicat còn phát hiện thấy những hạt sắt từ nóng chảy. Hiện tượng này chỉ có thể xảy ra ở trạng thái nhiệt độ cao. Có nhà khoa học cho rằng, silicat là vật liệu lý tưởng để chế tạo vỏ ngoài phi thuyền vũ trụ. Các nhà khoa học còn phát hiện thấy thêm những hạt có hình cầu nằm dưới đất hoặc trong cây cối ở khu vực Tunguska. Trong đó phát hiện ra các

kim loại như coban, niken, đồng, giéc-ma-ni, đây rất có thể là những vật liệu được dùng làm máy móc trong phi thuyền vũ trụ khi tới thăm Trái Đất.

Có người cho rằng, căn cứ vào trình độ khoa học kỹ thuật và những tài liệu hiện có của con người hiện nay, giả thiết rằng vụ nổ Tunguska là do một phi thuyền vũ trụ động cơ hạt nhân gặp nạn gây nên có vẻ hợp tình hợp lý. Họ miêu tả, phi thuyền vũ trụ này nặng đến vài nghìn tấn, hình dáng giống một cái ống khổng lồ. Trong lúc tiếp cận với Trái Đất với tốc độ ánh sáng, động cơ hạt nhân của phi thuyền vũ trụ này xảy ra sự cố, đến khu vực Tunguska do nhiên liệu hạt nhân bị dẫn nổ đã gây nên đại họa ngày hôm đó. Ánh sáng mà mọi người nhìn thấy chính là do ma sát mạnh giữa vỏ phi thuyền vũ trụ với Trái Đất, sinh ra khi nhiệt độ tăng lên đến mấy nghìn độ C. Đương nhiên, những dũng sĩ trong phi thuyền vũ trụ không biết từ đâu tới này cũng chưa thể hoàn thành nghiệp lớn của mình.

Suy đoán của Casa Malisev và những nghiên cứu sâu hơn của các nhà khoa học khác tuy rằng đã cổ vũ tinh thần mọi người, nhưng đây vẫn chỉ là một giả thiết, thiếu những chứng cứ thuyết phục không thể chối cãi. Song Trái Đất chẳng qua cũng chỉ là một thiên thể nhỏ bé, con người không phải là “cực cương” duy nhất trong vũ trụ, thì những nghiên cứu như thế này chắc chắn không phải là chuyện hoang đường vô lý. Nếu sau này có một ngày, một phi thuyền vũ trụ từ bên ngoài chậm chậm đáp xuống một nơi nào đó trên Trái Đất, chúng ta chắc cũng sẽ cảm thấy không quá bất ngờ.



35. NHỮNG CÁI HỒ TRÔI NỔI VÔ ĐỊNH

Sa mạc Taklamakan là một trong những sa mạc có diện tích lớn nhất khu vực Trung Á, nằm giữa dãy núi Thiên Sơn và dãy núi Côn Lôn. Đầu phía Đông của vùng sa mạc rộng lớn này có một cái hồ. Đó chính là hồ Lop Nor. Trên bản đồ, Lop Nor được đánh dấu bằng một “chấm”, mà không phải là một dấu hồ màu xanh da trời như bình thường. Đặc điểm trôi nổi vô định, khiến cho Lop Nor hàng trăm nghìn năm nay luôn mang đầy màu sắc thần bí trong mắt mọi người.

Theo ghi chép trong “Hán thư”, một văn kiện cổ đại của Trung Quốc, dòng sông duy nhất chảy qua sa mạc Taklamakan là sông Tarim. Con sông này đổ vào một cái hồ lớn. Bên hồ có một thành phố tự trị tên là Kroraina. Nhà lữ hành Itali Marco Polo vào thế kỷ XIII đã ghi lại trong ghi chép viễn du của mình rằng trong sa mạc Taklamakan có một thành phố và một cái hồ. Nhưng đến thế kỷ XIX, cái hồ này vẫn “không có trên bản đồ”, vì mọi người không biết rốt cuộc nó nằm ở đâu tại khu vực Trung Á.



Hồ Lopnor

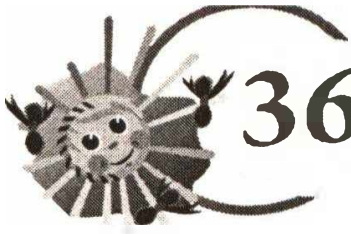
Người đầu tiên thách thức bí mật Lop Nor là một nhà Địa lý học người Thụy Điển tên là Swain Hardin (1865 – 1952). Tháng 3 năm 1900, ông dẫn theo một đoàn thám hiểm tiến sâu vào đại sa mạc Trung Á. Trên một lòng sông cũ, ông tìm thấy rất nhiều mảnh gốm sứ cũ, sau đó lại tìm được một số phần của những di

tích cổ đại ở khu vực xung quanh. Qua vài năm khai quật, Swain Hardin phán đoán: đây là di chỉ của thành cổ Kroraina, Lop Nor chắc sẽ nằm gần ngôi thành cổ này. Nhưng, gần di chỉ của thành cổ chẳng có cái hồ nào như vậy cả, nếu có cũng chỉ là những vò sò cho thấy đã từng có hồ ở đây.

Đầu thế kỷ XX, Swain Hardin đã đăng “giả thuyết Lop Nor trôi nổi”, cho rằng: dòng sông Tarim chảy vào Lop Nor cuốn theo rất nhiều bùn đất, khiến cho lòng sông bị tắc lại mà đổi dòng, thế là sông Tarim lại “tạo” nên một Lop Nor khác ở một nơi khác. Ông còn cho rằng, sự diệt vong của vương quốc cổ đại Kroraina và sự biến mất của Lop Nor có liên quan đến nhau.

Năm 1921, lòng sông cũ của sông Tarim đã khô cạn 1600 năm lại xuất hiện dòng chảy, thế là Lop Nor lại xuất hiện một lần nữa. Sự thực đã diễn ra đúng như suy đoán của Swain Hardin, đường chảy của sông Tarim đã có sự thay đổi. Ngày nay, các nhà khoa học đã xác nhận, Lop Nor lại bắt đầu cạn khô, đáy hồ cạn trơ theo thời gian. Có nhà khoa học còn cho rằng, hiện tượng này có thể do biến động khí hậu trên phạm vi thế giới, khiến dãy núi Himalaya đọng tuyết gây nên. Nhưng có một số nhà lại học lại không đồng ý với suy đoán này.

Vậy, rút cuộc nguyên nhân gì đã khiến cho Lop Nor “trôi nổi vô định”? Đến nay, đó vẫn là một bí ẩn.

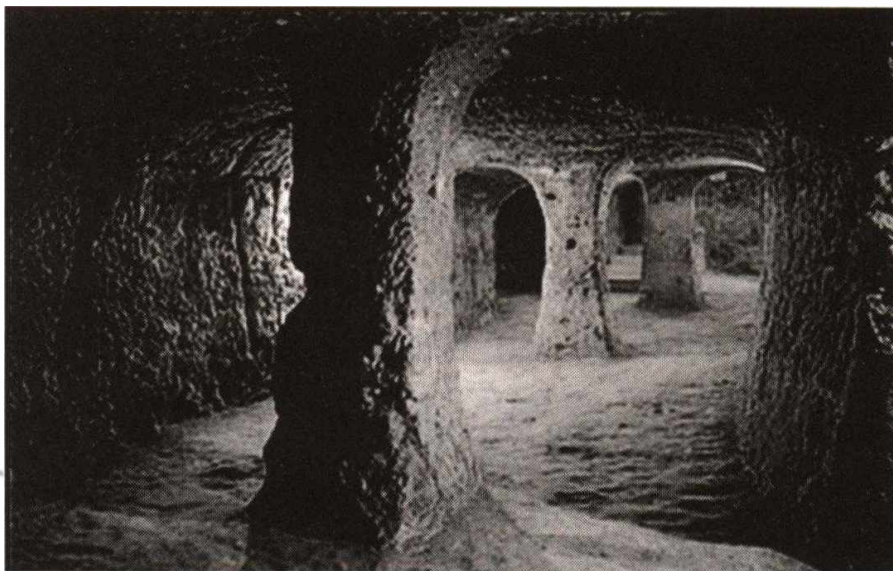


36. THÀNH PHỐ CỔ ĐẠI DƯỚI LÒNG ĐẤT

Trên cao nguyên Anatolia rộng lớn của miền Trung Thổ Nhĩ Kỳ, mỗi năm vào cuối đông đầu xuân đều mưa phùn rả rích liên miên. 50 năm trước, cũng vào một ngày mưa tuyết rơi nã lòng như vậy, gần một ngôi làng nhỏ tên là Derinkuyu. Một ngọn núi nhỏ đột nhiên sụt mất một góc. Một người trong làng đi qua đó đến gần để xem, phát hiện một cái hang nhỏ vừa đủ cho một người chui qua. Cái hang này nhìn không thấy đáy, không biết dẫn tới đâu. Để tìm hiểu đến tận cùng, mọi người thắp đèn dầu từng người một chen nhau bò vào trong hang. Cái hang sâu hơn rất nhiều so với tưởng tượng, mọi người nhìn vào bên trong thấy có những dấu vết như người xưa đã từng sống ở đây, giống như một thành phố ngầm. Vào lúc nào và ai đã mở ra dưới lòng đất một nơi rộng lớn như vậy? Không ai giải thích nổi.

Không lâu sau, nhà khảo cổ học người Thổ Nhĩ Kỳ nghe nói đến thành phố cổ đại dưới lòng đất này, liền bắt tay tiến hành khảo sát khoa học, bắt đầu từ giữa thời thập niên 60 của thế kỷ XX. Kết quả nghiên cứu trong nhiều năm thật khiến người ta kinh ngạc. Thành phố ngầm dưới lòng đất này có độ sâu kéo dài tới 55 m, từ trên xuống dưới có 8 tầng, diện tích lớn bằng mười mấy sân bóng. Thành phố ngầm có thiết kế lỗ thông hơi, có phòng bếp chung, phòng dự trữ, nhà ăn, phòng cất rượu nho, nơi nhốt động vật, phòng tắm, nhà vệ sinh cùng với các thiết kế tôn giáo, tất cả có hơn 52 chỗ.

Điều làm người ta ngạc nhiên hơn là, xung quanh thành phố ngầm này có gần 30 thành phố ngầm khác tương tự như nó. Quy mô lớn nhất là tòa thành nằm cách làng Derinkuyu 9 km về phía Bắc, có đường hầm dài gần 9 km đã nối liền hai tòa thành này lại với nhau.



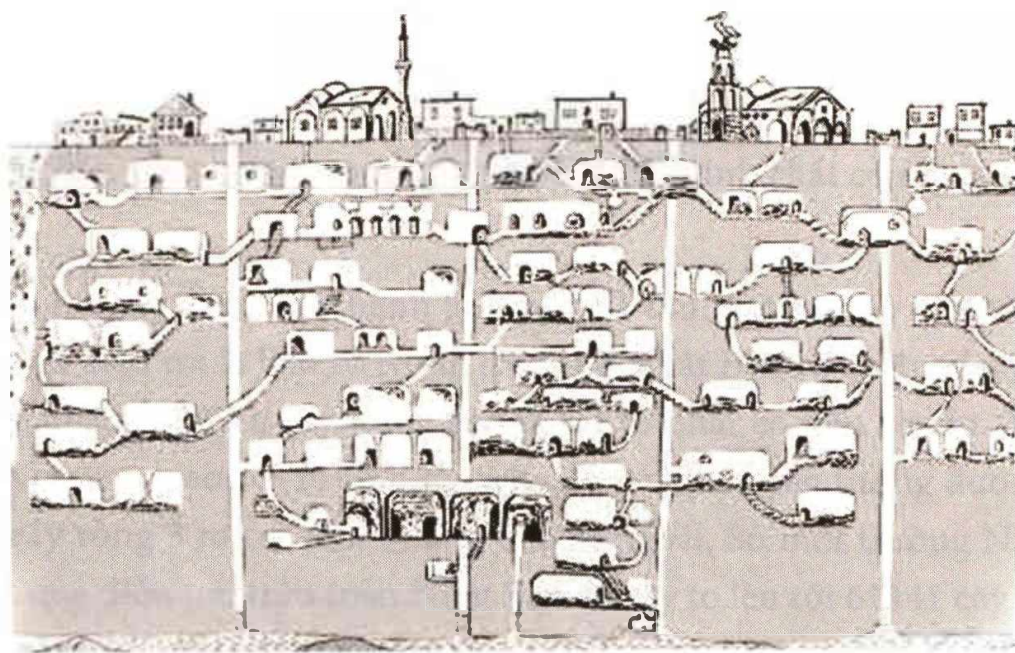
Một tầng trong thành phố ngầm

Vậy, thực ra là khi nào và ai đã xây dựng nên thành phố ngầm với quy mô lớn như vậy? Xây dựng với mục đích gì? Tại sao họ phải tránh khỏi mặt đất với ánh mặt trời rực rỡ và sống dưới lòng đất? Những câu hỏi này vẫn chưa tìm được câu trả lời thuyết phục. Những các chuyên gia suy đoán, xoay quanh kì quan cổ đại này nhất định có một bối cảnh lịch sử nào đó.

Phía đông nam cao nguyên Anatolia vốn là khu vực môi trường đặc biệt nổi tiếng trên thế giới, được mệnh danh là “một thế giới khác”. Ở đây đất không thành mảng, cả cao nguyên rộng lớn phủ một màu tro nâu, trên đó sừng sững hàng nghìn những cột đá chóp nhọn như hình cây măng, kéo dài mấy chục nghìn mét. Địa mạo kì thú này là do ngọn núi lửa cổ đại gần đó phun trào mà thành. Khu vực này nằm trên vành đai núi lửa biển Aegean kéo dài, là một trong những vành đai động đất của thế giới. Kết quả của những đồng tro bụi núi lửa bị ăn mòn theo thời gian đã tạo thành kì quan ngày hôm nay.

Các nhà khảo cổ học phân tích, vì mặt đất tạo thành từ dung nham núi lửa mềm xốp dễ khai quật, nên ngay từ 2000 năm trước công nguyên, người Hittites đã đào các kho trên lớp dung nham này. Nhưng lần khai quật thực sự phải đến khoảng thế kỷ thứ III, khi các đạo sĩ Kitô giáo tới nơi này. Các tín đồ đạo Kitô vốn chịu sự đàn áp của đế quốc La Mã trong thời gian dài, cùng với thành cổ Pompei bị núi lửa phun trào hủy diệt và hàng loạt những tai họa khác, những tín đồ Kitô giáo đều cho rằng “ngày tận thế” đã không còn xa nữa. Thế là họ đều quay lưng rời khỏi quê hương, tới khu vực trung tâm Syria và Tây Á, chờ đợi “ngày tận thế”

đang tới dần. Có một cách giải thích là, chính những tín đồ Kitô giáo đang sợ hãi ngày cuối cùng của thế giới này đã đào lớp dung nham núi lửa lên, xây dựng dưới lòng đất một khu nhà ở và cung điện, sống cuộc sống cách xa với con người. Những tu sĩ biết được tin này đã cùng nhau tới đây, không lâu đã lên tới hơn hàng chục nghìn người. Trong thời kì này, khu vực này lại liên tiếp xảy ra các cuộc chiến tranh giữa đế quốc La Mã với Ba Tư, giữa Ba Tư với Ả Rập. Những người ủng hộ cách giải thích này cho rằng, những tu sĩ này để trốn tránh chiến tranh loạn lạc, nên đã ẩn mình dưới lòng đất. Đây chính là nguồn gốc của các thành phố dưới lòng đất như Derinkuyu. Nhưng cách giải thích này không được nhiều người tán thành lắm.



Sơ đồ thành phố ngầm

Hiện nay, một phần những thành phố ngầm này đã mở cửa cho khách du lịch, từ cửa vào nhỏ dẫn vào bên trong con đường ngầm dưới lòng đất, qua con đường ngầm quanh co uốn lượn như tổ kiến này là tới được thành phố dưới lòng đất. Những tầng đầu là phòng bếp và phòng ngủ, phòng cất rượu, phòng tắm,... các cơ sở vật chất cho cuộc sống thường ngày ở tầng dưới. Giáo đường có hình giá chữ thập, có thể đủ cho 100 tín đồ cùng cầu nguyện. Ngoài đường hầm là cánh cửa đá lớn được thiết kế để phòng bị sự tấn công của kẻ thù. Dù hàng nghìn năm đã trôi qua, sự tạo hình tinh tế và phong cách kiến trúc độc đáo của quân thể kiến trúc ngầm này vẫn khiến cho người ta đi từ sự ngạc nhiên này đến sự ngạc nhiên

khác. Nhiệt độ ở đây vào mùa hè giữ ở khoảng 13 đến 15 độ C, mùa đông từ 7 đến 8 độ C. Không gian mở và những đường cong nhẵn bóng của đá dung nham khiến người ta không có chút cảm giác bí bách nào. Cũng nhờ vào nghệ thuật kiến trúc cao siêu này, nên rất nhiều người không tin nơi đây do những người trốn tránh loạn lạc xây dựng nên. Truyền thuyết về những thành phố ngầm rất nhiều, nhưng một thành phố dưới lòng đất có thể để hàng chục nghìn người cùng chung sống thì chỉ có Thổ Nhĩ Kỳ mới có. Người ta không thể lý giải được những khí cụ, nông vật. Những ghi chép, tranh vẽ trên đá được những người sống ở đây sử dụng khi đó đều không tìm thấy, chúng đã biến đi đâu hết rồi? Các nhà khảo cổ học vẫn tiếp tục tìm kiếm, hy vọng nhờ những cổ vật đó. Chúng ta có thể làm rõ bối cảnh, lai lịch của những thành phố ngầm dưới lòng đất.



37. GỢI Ý CỦA CÂY LONG NÃO KHỔNG LỒ CHO CON NGƯỜI

Thời gian mà thực vật xuất hiện và sống trên trái đất sớm hơn, dài hơn rất nhiều so với động vật. Cho đến ngày hôm nay, người ta đã phát hiện ra rất nhiều loài thực vật kì lạ. Ví dụ có loài thực vật có thể phản ứng với những kích thích từ bên ngoài, có hạt của loài thực vật có thể bay đi rất xa như một đôi cánh, có loài thực vật thậm chí có thể bắt được cả côn trùng... Nhưng điều tra của các nhà thực vật học Nhật Bản với một số loài cây to đã cho thấy tính chất còn kì lạ hơn của các loài thực vật.

Lần điều tra này được tiến hành bởi các nhà thực vật học Sở môi trường Nhật Bản. Mục đích điều tra là làm rõ trong lãnh thổ Nhật Bản có những loại cây to lớn nào. Đương nhiên, những cây được cho là rất to phải có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn này là, thân cây cao cao 1,5 m tính từ mặt đất, có chiều cao tương đương với một người, tán cây rộng 3 m trở lên. Tháng 6 năm ngoái, Sở môi trường Nhật Bản đã công bố kết quả điều tra: trên toàn Nhật Bản số cây to lên tới 61441 cây. Trong đó, to nhất là một cây long não sinh trưởng tại đảo Kogoshima. Chu vi thân cây này lên tới 24,2 m. Nếu chia ngang thân cây, mặt cắt của nó có thể trải hơn 30 cái chiếu. Trong số 10 cây lớn nhất, ngoài một cây anh đào xếp thứ 3, còn lại đều là những cây long não. Hiện tượng này rất thu hút sự chú ý của cá nhà thực vật học.

Cây long não sở dĩ có thể sống qua được hàng trăm, hàng nghìn năm, trở thành cây to như vậy có lẽ vì nó có một số điểm đặc biệt khác với những cây thông thường khác. Ví dụ như, long não lấy từ cây long não có tác dụng xua đuổi côn trùng tự nhiên. Mùi của long não khiến cho các loài côn trùng có hại phải không dám tới gần.



Cây long nảo khổng lồ

Tại Atami Nhật Bản có một cây long nảo khác được coi là cây long nảo lớn thứ hai ở Nhật Bản. Vì cây long nảo ở đảo Kogoshima ở quá xa nên cây long nảo này trở thành đối tượng khảo sát của các nhà thực vật học. Dưới làn sương bao phủ khắp thung lũng, xung quanh cây long nảo đầy ắp một không khí thần bí không thể lý giải được. Một bên thân cây bị chặt, vỏ cây sần sùi không bằng phẳng, giống như khuôn mặt người già đã dạn dày sương gió. Một dòng suối chảy qua bên cạnh cây long nảo to lớn này. Dưới tán cây rậm rạp, không khí lại càng trở nên trang nghiêm, trang trọng. Để có thể tận mắt trông thấy toàn bộ cây long nảo này cũng không dễ, vì xung quanh cây không tìm được góc nhìn nào có thể thấy toàn bộ cây.

Các nhà thực vật học cho rằng, trong các cây to, long nảo có số lượng cây nhiều nhất, điều này có liên quan tới khả năng sinh tồn độc đáo của nó. So sánh với cây lá kim, bộ rễ của long nảo phát triển hơn, rễ to, thô và phạm vi phát triển rất rộng. Những cây lá kim như tùng, bách cũng rất to, cao, có sức chịu đựng tốt, tuổi thọ cao, nhưng vẫn kém xa so với long nảo.

Trong các cây Sequoia của Mỹ, cây cao nhất có thể cao tới 110,3 m. Nguyên nhân của nó ngoài ưu thế về giống cây ra, còn có sự phối hợp của các điều kiện tự nhiên tương ứng. Nhật Bản là một quốc đảo nhiều gió bão, nhiều động đất, độ cao

của cây cối rất ít khi vượt quá 40 m. Nếu sự ảnh hưởng của trọng lực Trái Đất đối với cây cối không lớn như vậy, thì cây cối sẽ mọc rất cao. Hơn nữa đối với các loại cây, nếu không có thiên tai hay ảnh hưởng của con người thì tuổi thọ của chúng cũng đều đạt tới xấp xỉ hàng trăm, hàng nghìn năm.

Hạt giống của cây long não có khả năng thích ứng rất cao. Ví dụ như nếu rừng cây chịu sự tàn phá của núi lửa, trong lớp đất cháy rụi, long não sẽ mọc lên đầu tiên. Hoa của long não là một loại “hoa thụ phấn nhờ gió”, hạt giống có thể theo gió phát tán đi rất xa, có thể “tự tìm đường sống”. Nhưng cây hoa anh đào trong điều kiện như vậy thì rất khó sống. Nó chỉ có thể sinh trưởng ở những hốc hố trong rừng, trong những khe hở vết nứt trên cây cối. Hạt giống của cây hoa anh đào phát tán nhờ các loài chim. Trong điều kiện tự nhiên qua quá trình khoảng 100 năm, thì cây hoa anh đào sẽ dần dần tàn lụi. Ở vùng rừng núi, cây hoa anh đào thường sinh trưởng đơn lập, phương thức sống của chúng là kiểu “đánh du kích” không cố định.

Phương thức sống của long não là theo kiểu “kẻ xâm nhập”. Chúng là loại cây lá rộng xanh quanh năm, sinh trưởng ở những khu vực ẩm ướt và ẩm ướt. Ở Nhật Bản chúng phân bố ở một số khu vực từ Tây Nhật Bản đến Kanto. Ở vùng duyên hải đông nam Trung Quốc và đảo Đài Loan cũng có loài cây này.

Rừng lá rộng được cấu thành từ cây sơn trà, cây thông đại,... chỉ cần đất rừng còn một khe hở, cây long não cũng có thể chen chân vào. Vì long não sinh trưởng rất nhanh, chưa đến vài năm nó đã nổi bật giữa rừng xanh. Hạt giống của nó có thể bay đi rất xa, đến nỗi chỉ vài năm sau cánh rừng này có thể đã trở thành rừng long não rồi. Nếu nói cây hoa anh đào là “sinh trưởng đơn lập” thì cây long não lại “sinh trưởng với số đông”.

Các nhà thực vật học cho rằng, trong long não có một chất có tác dụng chống lại côn trùng có hại. Các nhà thực vật học gần đây thường nhắc đến “sự cảm nhiễm qua lại” của thực vật, cũng có nghĩa là, một số loài thực vật có khả năng tiết ra các chất hóa học nhằm khống chế sự sinh trưởng của các thực vật xung quanh. Ví dụ như làm cho xung quanh đến cỏ cũng không mọc được. Vì thế các nhà thực vật học đoán rằng, long não có thể cũng dùng “vũ khí hóa học” như thế để đuổi các loài cây khác ra khỏi cánh rừng. Nhưng các cây long não cũng tiêu diệt lẫn

nhau. Trong trận chiến đấu để sinh tồn, những cây long não bé nhỏ thường bị tàn lụi, khô héo, trong rừng chỉ còn lại những cây long não cao to, khỏe mạnh. Đây chính là sự đào thải của tự nhiên. Kẻ chiến thắng cuối cùng trong trận chiến sinh tồn mới có thể phát triển trở thành cây long não khổng lồ. Nhưng cây cối một khi đã lớn tới mức rất cao, thì cũng sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, thậm chí khiến cho môi trường trở nên không còn thích nghi với sự sinh trưởng của long não nữa. Dần dà, long não sẽ đổ ngã, khô héo, một vòng chiến đấu sinh tồn mới lại bắt đầu.

Vì thế, điều quan trọng để cho long não tiếp tục sinh trưởng, và sinh trưởng một cách khỏe mạnh nằm ở hoạt động của con người. Người Nhật Bản cổ đại coi long não là cây thần, và cung kính thờ cúng chúng. Người ta thường dựng những miếu thờ ở nơi có thần cây, mà miếu thờ lại tạo ra những điều kiện có lợi cho những cây to tiếp tục sinh trưởng. Hiện nay, những cây to may mắn còn sống của Nhật Bản thường ở trong các vườn chùa, các miếu thờ. Trong trạng thái tự nhiên, cây hoa anh đào cũng có thể sống khoảng 100 năm. Nhưng các cây anh đào ở trong các vườn chùa có thể sống tới hơn nghìn năm. Chính vì vậy, cây long não mới có thể phát triển thành cây khổng lồ với rất nhiều điều kiện thuận lợi.

Từ xưa đến nay, cây long não luôn được con người sử dụng rộng rãi để xây dựng, làm thuyền, làm xe đạp nước. Vì nó có mùi thơm rất lạ, lại có thể xua đuổi côn trùng, nên người ta thường dùng nó để chế tác dụng cụ gia đình. Các nhà thực vật học Nhật Bản từng tiến hành nghiên cứu chất hóa học mà các loài thực vật tiết ra, phát hiện chất dầu trong cây long não có những tác dụng rất đặc biệt. Đầu tiên, chất dầu này có độc đối với kiến trắng. Nếu dùng loại dầu này trong vòng 10 ngày, 60% kiến trắng sẽ chết hết. Sử dụng chất dầu này với nồng độ 0,1% cũng có thể gây trở ngại cho rau diếp mọc mầm tới 80%. Đối với các cây rau diếp đã mọc mầm cũng sẽ có tác dụng cản trở phần rễ phát triển. Tuy rằng thí nghiệm này mới chỉ ở bước đầu, nhưng từ đó có thể thấy, cây long não có thể sống trong rừng rậm là nhờ chúng đã lợi dụng chất dầu này để mở rộng “thế lực” của mình. Các cách đấu tranh giữa các loài thực vật vô cùng phong phú, và long não đã chiến thắng nhờ mùi hương đặc biệt của mình.

Trên Trái Đất, có thể độc chiếm ngôi đầu trong hàng trăm hàng nghìn loài thực vật không phải là một chuyện dễ dàng. Cuộc cạnh tranh sinh tồn này nghe có vẻ ôn hòa, nhưng thực chất khiến cho người ta kinh hồn bạt vía. Một cây long não từ một cái mầm nhỏ bé trải qua trăm ngàn sóng gió, trở thành một cây khổng lồ với đường kính gần 8 m, có thể thấy “khả năng” của nó không hề tầm thường. Thảo nào người Nhật Bản xưa thường coi những cây lớn là cây thần. Nếu một ngày nào đó con người và thực vật có thể “nói chuyện” với nhau, ta có thể có được nhiều thông tin hơn từ các loài thực vật, đặc biệt là những cây đại thụ như vậy. Đó sẽ là những gợi ý hữu ích cho sự phát triển của chính bản thân loài người.



38. PHÁT HIỆN “PROTEIN TUỔI THỌ” VÀ CÁC PHÁT HIỆN KHÁC

Gần đây, một số tờ báo không hẹn mà cùng chọn viết về tuổi thọ của con người. Có người nói rằng, tuổi thọ của con người vốn phải đạt đến 120 đến 150 tuổi, nhưng bệnh tật và ô nhiễm môi trường không cho con người được an hưởng tuổi già. Cũng có người nói, tuổi thọ của con người đang dần được kéo dài nhờ vào chất lượng cuộc sống đang được nâng cao. Tuổi thọ bình quân đạt tới trên 75 tuổi chính là một minh chứng. Có người lại không đồng ý với ý kiến này, cho rằng tuổi thọ bình quân của con người kéo dài hơn là do tỷ lệ tử vong của các trẻ sơ sinh giảm mạnh. Còn bản thân con người có thể sống nhiều hơn vài năm hay ít hơn vài năm cũng không khác nhau là mấy.

Mong được sống lâu là nguyện vọng chung của con người. Vậy, con người có thể đạt được tuổi thọ lý tưởng hay không? Có hay không một biện pháp có thể giúp kéo dài tuổi thọ của con người một cách hiệu quả?

Phát hiện về “protein tuổi thọ” đã mang đến cho con người một cách suy nghĩ mới.

Đoạn thời gian con người từ lúc sinh ra đến lúc chết đi được gọi là “tuổi thọ”. Mấy nghìn năm nay con người luôn luôn muốn tìm được cách kéo dài tuổi thọ. Trong quá khứ, có lúc những suy nghĩ này đã đi đến mức hoang đường. Ngày nay nhờ vào tiến bộ của khoa học, vấn đề này coi như có được chút đầu mối.

Trước đây, đại học y khoa Tokyo Nhật Bản và khoa Y đại học Shinshu Nhật Bản đã cùng thành lập một tổ nghiên cứu nhỏ, lấy một loại chất protein đặc biệt trong cơ thể con ruồi – “protein tuổi thọ”, và biết được chất này có thể kéo dài thêm 1/5 tuổi thọ của con ruồi. Giới khoa học xưa nay thường cho rằng, tuổi thọ của con người là do môi trường và nhiều gen di truyền cùng quyết định. Thí nghiệm trên ruồi mà tổ nghiên cứu của hai trường đại học này thực hiện đã chứng

minh, tuổi thọ đã được một số ít các gen di truyền quyết định ngay từ khi sinh vật được sinh ra.

Thí nghiệm của các nhà khoa học Nhật Bản được tiến hành như sau: cho hai con ruồi cùng một thế hệ cha mẹ giao phối với nhau, sinh ra hai loại ruồi có tuổi thọ khác nhau. Những con có tuổi thọ dài sống được 60 ngày, gọi là “hệ thống tuổi thọ dài”. Những con có tuổi thọ ngắn sống được 30 ngày, gọi là “hệ thống tuổi thọ ngắn”. Tiếp tục cho hai con ruồi ở hai “hệ thống” khác nhau giao phối. Kết quả là các nhà khoa học đã phát hiện ra những gen di truyền được cho là có khả năng quyết định tuổi thọ. Họ lấy ra một loại “protein” xuất hiện tương đối nhiều trong cơ thể những con ruồi thuộc “hệ thống tuổi thọ dài”. Sau đó cho chất protein này trộn lẫn vào thức ăn, ăn những thức ăn này những con ruồi thuộc “hệ thống tuổi thọ ngắn” sống được 35 ngày, ruồi thuộc “hệ thống tuổi thọ dài” sống được 70 ngày, tuổi thọ của chúng đều được kéo dài ra. Theo kết quả thí nghiệm, các nhà khoa học Nhật Bản cho rằng, chất protein này được các gen di truyền quyết định tuổi thọ tạo ra, các gen di truyền này đương nhiên là các gen di truyền tuổi thọ. Chất protein này đương nhiên được gọi là “protein tuổi thọ”.

Ngày nay, các nhà khoa học đã xác nhận loại protein tuổi thọ giống như thế này tồn tại cả trong cơ thể của ong, tằm, chuột, thậm chí cả người. Đối với côn trùng, giai đoạn khi ấu trùng trong kén là giai đoạn xuất hiện nhiều protein tuổi thọ nhất. Đối với động vật có vú, chất protein này xuất hiện vào thời kì đầu tiên thai nhi được hình thành. Đối với con người, trong cơ thể thai nhi 6 tuần đầu mang thai có thể phát hiện thấy protein tuổi thọ, nhưng đến tuần thứ 7 thì cơ bản không thấy nữa. Từ đó có thể thấy, protein tuổi thọ có tác dụng quyết định hình dáng của động vật. Một khi hình dáng đã được quyết định, protein tuổi thọ sẽ không tồn tại nữa. Protein tuổi thọ này là một loại kháng nguyên, có tác dụng gần như giống nhau đối với các loại động vật. Từ góc độ hóa sinh thì ruồi và ong mật giống hệt như nhau.

Chất protein được lấy trong cơ thể ruồi đã được nhắc đến ở trên cũng có tác dụng kéo dài tuổi thọ đối với các loài ong, chuột khác nhau. Cho protein này vào trong nước uống của một con chuột già yếu. Kết quả là tinh thần của con chuột già tốt hơn. Hơn nữa sống cũng lâu hơn. Từ đó các nhà khoa học thấy rằng, protein tuổi thọ có lẽ cũng có tác dụng tương tự đối với con người. Còn có một sự

thực: tế bào thần kinh vỏ đại não của chuột trong quá trình được nghiên cứu sẽ chết nếu trong mấy ngày không được tiếp thêm huyết thanh. Nếu được tiếp thêm protein tuổi thọ thì sẽ kéo dài được tuổi thọ của tế bào.

Protein tuổi thọ thông qua cơ chế nào để phát huy tác dụng? Hiện nay các nhà khoa học vẫn chưa rõ, nhưng họ cho rằng protein tuổi thọ rất có khả năng phát huy tác dụng với những nhân tố quan trọng xác định tuổi thọ, cũng có khả năng kích thích tiết ra hormon có tác dụng kéo dài tuổi thọ.

Như ở trên đã nói, protein tuổi thọ được các gen di truyền quyết định tuổi thọ tạo ra. Nó có tác dụng với động vật trong thời kì thai nhi và thời kì ấu trùng. Sau đó lưu lại trong tế bào trong quá trình phân chia, và lưu lại trên da và niêm mạc trên cơ thể con người trong quá trình hình thành và biến đổi của tế bào. Nghĩa là trong quá trình tế bào mới được sinh ra, protein tuổi thọ sẽ có tác dụng vào lúc phân chia tế bào đối với những tế bào chưa phân chia. Đối với những tế bào đã phân chia, nghĩa là những tế bào không còn nhân chia nữa như tế bào thần kinh của đại não và tế bào nội tạng thì không thể tìm thấy protein tuổi thọ nữa.

Các gen di truyền quyết định tuổi thọ quyết định độ dài ngắn của tuổi thọ, các gen di truyền quyết định tuổi thọ chỉ có tác dụng trước khi động vật được ra đời, nên xem ra tuổi thọ đã được xác định trước khi động vật ra đời. Các nhà khoa học cho biết, tuổi thọ của con người có thể đạt khoảng 120 tuổi, nhưng để trường sinh bất lão thì không phải là một chuyện dễ dàng. Nếu sử dụng “protein tuổi thọ” có thể sẽ có tác dụng. Điều này cũng giống như mua một ngôi nhà đã quá cũ, mà lại cứ muốn nó sử dụng được lâu hơn. Thông qua phân tích gen di truyền đã có thể làm rõ tuổi thọ thực tế của một người là bao lâu. Câu hỏi sẽ sống với thái độ vô trách nhiệm hay nỗ lực tận dụng từng ngày trong cuộc sống chắc sẽ là một câu hỏi không thể không trả lời. Điều này cần chúng ta phải đánh giá lại lối sống hiện tại của mình. Cứ cho là một ngày nào đó có thể dễ dàng mua thực phẩm “protein tuổi thọ” ở chợ, nhưng mong rằng nó có thể nâng cao chất lượng cuộc sống trong một tuổi thọ có hạn là điều không thể.



39. PHÁT HIỆN MỚI VỀ ĐẢO CHRISTMAS

Nhiều năm nay, người ta luôn cho rằng những bức tượng đá đầu người khổng lồ trên đảo Christmas là một trong những bí ẩn lớn nhất của thế giới.

Đảo Christmas nằm trên Thái Bình Dương, cách bờ biển phía Tây Chilê hơn 3000 km. Năm 1772, Jacob Roggeveen đưa theo một chiếc tàu chiến Hà Lan tiến về phía châu Mỹ thì phát hiện ra hòn đảo nhỏ này. Khi quân hạm này tiến sát tới hòn đảo nhỏ này, các thủy binh Hà Lan phát hiện ra rằng, sát bờ hòn đảo sừng sững rất nhiều những bức tượng đá đầu người khổng lồ, tượng to cao tới 10 m, tượng nhỏ cao 4,5 m. Vì ngày phát hiện ra đảo nhỏ đó ngày lễ phục sinh nên họ đặt tên cho hòn đảo này là đảo Christmas, có nghĩa là “lễ phục sinh”.



Tượng đá trên đảo phục sinh

Diện tích của đảo Christmas chỉ có 120 km². Trên đảo không có cây cối, trên những sườn núi phủ đầy cỏ xanh còn lưu lại rất nhiều dấu tích của núi lửa phun trào. Cư dân trên đảo là những người bản địa, dân số không đến 6000 người. Trên đảo còn có hơn 230 bức tường, bậc đá, chùa đá, kim tự tháp và những bức tượng đầu người khổng lồ tương tự ở trên bờ được làm từ những phiến đá to. Điều khiến

cho người ta không lý giải được là khi người Hà Lan phát hiện ra đảo Christmas, các cư dân trên đảo còn không biết cách dùng đồ sắt. Thậm chí còn không biết dùng những dụng cụ đơn giản nhất. Vậy họ khắc ra những tượng đầu người khổng lồ vào lúc nào, để làm gì, và bằng cách nào? Những tượng đá đó tượng trưng cho điều gì?

Hơn 200 năm nay, các nhà thám hiểm và các nhà hàng hải các nước lần lượt đến đảo Christmas. Các nhà khoa học Mỹ, Nauy, Liên Xô, Nhật Bản đều từng tiến hành khảo sát tại đảo Christmas. Đáng tiếc là vẫn chưa có ai có thể mở ra được bí ẩn về tượng đầu người khổng lồ trên đảo Christmas.

Có người sau khi nghiên cứu những phiến đá có khắc chữ trên đảo Christmas cho rằng, đảo Christmas vốn là một phần của lục địa cổ Nam Thái Bình Dương, đã từng có một nền văn minh rực rỡ vào khoảng một hai chục nghìn năm trước. Một trận động đất lớn đã xảy ra đột ngột, nhấn chìm lục địa cổ này cùng với những cư dân trên đó xuống Thái Bình Dương. Nhưng đảo Christmas lại may mắn thoát nạn. Những tượng đá và phiến đá có khắc chữ viết trên đảo rất có khả năng là di tích của lục địa cổ. Nhà văn hóa nhân loại Nauy Thor Heyerdahl lại cho rằng, những cư dân trên đảo đến từ một nơi khá gần châu Nam Mỹ.

Mùa xuân hè năm 1989, một đội thám hiểm Pháp đã vượt ngàn đường xa tới đảo Christmas để tìm lời giải cho câu đố. Họ tiến hành phân tích hoạt động của con người trên đảo Christmas và những bức tượng khổng lồ trên mọi mặt địa lý, động thực vật, ngôn ngữ học, vật lý học, và đã đưa ra những kiến giải hoàn toàn mới. Họ cho rằng những cư dân trên đảo Christmas không phải đến từ châu Nam Mỹ, mà là đến từ quần đảo Polynesia xa xôi ở Trung Thái Bình Dương

Lại có người đưa ra những nghi hoặc khác: nếu những cư dân trên đảo Christmas không phải đến từ châu Nam Mỹ, thì tại sao trên đảo lại có loại khoai ngọt vốn là đặc sản của lục địa Nam Mỹ? Các nhà khoa học Pháp cho rằng: sau khi củ khoai ngọt chín sẽ bị giảm trọng lượng và bị teo khô, có thể trôi theo nước biển đến những nơi rất xa. Các nhà khoa học Pháp còn phát hiện ra ngoài cây xa kê, cây dừa, cây hồ đào Thái Bình Dương không thể sinh trưởng ở trên đảo ra, những loại thực vật khác giống hệt với quần đảo Polynesia. Điều đó chứng minh các cư dân đảo Christmas đến từ quần đảo Polynesia.

Vậy các cư dân quần đảo Polynesia đã vượt qua đại dương như thế nào? Các nhà khoa học Pháp cho rằng, họ đã lợi dụng những quả bầu nậm. Bầu nậm nhẹ, lại có sức nổi lớn, còn có thể cho nước ngọt vào trong, là một loại phao lý tưởng. Giống bầu nậm trên đảo Christmas hoàn toàn giống với đảo Polynesia, đến tên gọi cũng giống.

Nhưng những cư dân trên đảo Christmas không biết chế tạo đến cả những vật dụng đơn giản nhất. Làm sao họ có thể điêu khắc những tượng đá khổng lồ đó? Để tái hiện lại cảnh tượng khi đó, các nhà khoa học Pháp dùng những quả bầu nậm chứa đầy nước và những hòn đá cứng sắc đào những cái hang trên đá vôi. Qua nhiều lần lặp đi lặp lại đã có thể “khắc” hình lên trên đá vôi. Họ còn dùng gỗ và dây thừng mô phỏng quá trình vận chuyển tượng khổng lồ. Nhưng dây thừng và gậy cũng là công cụ mà. Hơn nữa, cách nói “điêu khắc bằng nước” cũng vẫn chưa thỏa đáng. Vì đục một cái lỗ trên đá vôi thì dễ, nhưng để khắc thành một bức tượng đá đầy đủ ngũ quan, cao tới 10 m thì đúng là khiến người ta không thể tưởng tượng được.

Manh mối có hy vọng nhất mà các nhà khoa học Pháp tìm được là một tấm biển nhà do những cư dân nguyên thủy trên đảo để lại. Bên trên khắc những ký hiệu giống như chữ viết, đây là di vật văn tự độc nhất vô nhị của đảo này. Tuy nhiên, không có ai có thể dịch được những ký hiệu này. Có lẽ đây chính là mấu chốt để giải đáp bí ẩn của đảo Christmas.



40. ATLANTIS – LỤC ĐỊA BIỂN MẤT

Chúng ta đều biết, trong ba chiếc phi thuyền không gian của Mỹ, có một chiếc mang tên “Atlantis”, mang nghĩa là châu lục Đại Tây Dương. Chúng ta cũng biết, trong 7 châu lục trên thế giới, không có một lục địa nào được gọi là châu lục Đại Tây Dương – Atlantis. Vậy cái mà Atlantis muốn nói đến là gì? Có đáng để dùng cái tên này đặt cho phi thuyền không gian với sứ mệnh tiên phong trong thám hiểm bí mật của vũ trụ không?

Thời cổ đại, trên Trái Đất đích thực đã từng tồn tại một lục địa cổ được gọi là Atlantis. Trên lục địa với diện tích rộng lớn mênh mông này, từng xuất hiện một nền văn minh vô cùng rực rỡ. Điều không may là trong một thảm họa với mức độ tàn phá rất lớn, Atlantis đã bị nhấn chìm sâu dưới những con sóng cuộn trào của đại dương. Trong một số tài liệu cổ đại được lưu giữ lại từ mấy nghìn năm trước đều có nói đến lục địa cổ này và nền văn minh vĩ đại mà nó đã từng khai sinh. Rất nhiều năm, người ta không ngừng tìm kiếm lục địa cổ này: nó ở đâu, và sau đó nó đã chìm xuống nơi nào trong đại dương bao la?

Vào một ngày năm 1967, một phi công người Mỹ là Koper Bruce đang bay ở độ cao thấp trên đảo Bimini nằm trong quần đảo Bahamas trên Đại Tây Dương, đột nhiên ông phát hiện ở độ sâu vài mét dưới mặt nước có một vật thể dài hình chữ nhật rất lớn, trợ lý của Bruce là Dmitry Kabkauf là một thợ lặn thám hiểm giàu kinh nghiệm, ông ngay lập tức nhận ra rằng phát hiện của Bruce là rất quan trọng, chính ông trước đó cũng từng phát hiện thấy một vật thể dài hình chữ nhật dài khoảng 400m ở vùng biển gần đó. Ông thành lập một đoàn thám hiểm và tháng 8 năm 1968 họ đã tới vùng biển quần đảo Bahamas tiến hành thám hiểm khoa học, dưới đáy biển gần đảo Andros. Họ tìm thấy một di tích của một ngôi đền cổ: dài 30m, rộng 25m, xây dựng theo hình chữ nhật. Ngày 2 tháng 9 đoàn thám hiểm thu được một phát hiện quan trọng hơn nữa. Họ phát hiện thấy ở độ sâu dưới 5m gần đảo Bimini có một nền đá lớn bằng phẳng. Những hòn đá cấu tạo nên nền đá lớn này mặc dù

có độ to nhỏ dày mỏng khác nhau, nhưng tất cả đều đã được qua xử lý. Đoàn thám hiểm từ đó kết luận: trong quá khứ xa xôi, đáy biển của vùng quần đảo Bamini đã từng là một thành phố trên cạn được xây dựng bằng đá.



Ngôi đền chìm

Một số nhà khoa học còn tìm thấy những công trình kiến trúc bằng đá ở rất nhiều nơi dưới đáy Đại Tây Dương. Trong đó có công sự phòng ngự, tường, bến tàu và đường giao thông. Sự sắp xếp và hình dáng của các công trình kiến trúc dưới đáy biển này rất đồng nhất với Atlantis trong truyền thuyết. Nó hoàn toàn không hình thành một cách tự nhiên. Họ cho rằng, những công trình kiến trúc này thể hiện tình hình lúc bấy giờ của lục địa Atlantis. Tại vùng biển phía bắc Cuba, các nhà khoa học đã phát hiện một vùng di tích cổ đại rất lớn, giống như được xây nên từ đá cẩm thạch vậy. Trên phía bắc bán đảo Florida, còn phát hiện thấy những công trình kiến trúc giống kim tự tháp, máy thăm dò đã chứng minh đó là do bàn tay con người kiến tạo nên. Các nhà khoa học từ những phát hiện khác nhau càng thêm suy đoán rằng lục địa Atlantis đã biến mất có thể đã bị nhấn chìm dưới những cơn sóng cuộn trào dưới đáy Đại Tây Dương.

Các nhà khoa học còn phát hiện thấy những bức tường có cấu tạo phức tạp sừng sững dưới đáy sâu Đại Tây Dương. Một bức tường trong số đó còn có cửa. Những nền đá và các công trình kiến trúc kim tự tháp nối chúng lại với nhau. Phía nam châu Nam Mỹ trước đây con người còn nhìn thấy một con đập thông ra

biển, kéo dài và biến mất ở Đại Tây Dương. Hiện nay một phần đất liền của con đập này đã bị hủy hoại.

Năm 1977, tàu ngầm của một viện nghiên cứu hải dương học Mỹ đã tiến hành khảo sát ở đáy biển sâu 2500m, cách phía Đông quần đảo Bahama 300 km. Các nhân viên thám hiểm đã tận mắt nhìn thấy một số di tích kiến trúc cổ đại nằm dưới đáy biển, rõ ràng chúng không phải hình thành do tự nhiên.

Ngày 3 tháng 9 năm 1979 một tờ báo Liên Xô đã đăng một bài báo nói rằng, lục địa mất tích này nằm dưới đáy biển gần quần đảo Bahama. Bài báo này chỉ ra rằng một nhà nhiếp ảnh người Ba Lan đã chụp được thế giới chìm dưới đáy biển tại vùng biển quần đảo Bahama. Trong bức ảnh đó có những con đường được xây dựng bằng đá, những bức tượng khắc bằng đá cẩm thạch và rất nhiều các vật phẩm làm bằng đá khác

Tương truyền rằng tại phía nam quần đảo Azor thuộc Đại Tây Dương chính là quần đảo mà người Atlantis cổ sinh sống. Khi nước biển trong xanh, dưới ánh nắng chiếu rọi, mọi người có thể nhìn thấy lơ mơ di tích một thành phố dưới độ sâu vài chục mét cách mặt nước biển. Tại vùng biển gần quần đảo Canaly, các nhà khoa học cũng phát hiện thấy di tích thành phố dưới đáy biển. Năm 1974, một đoàn khảo sát người Liên Xô đã chụp được những bức tường thành và bậc thang xây bằng những hòn đá to ở quần đảo Madela Đại Tây Dương. Một nhà khoa học người Liên Xô cho đây là vết tích rõ nhất về cuộc sống của loài người, nơi đây trong quá khứ nhất định là một lục địa khô ráo.

Ngày càng nhiều phát hiện chứng minh trong Đại Tây Dương rộng lớn đích thực từng tồn tại một lục địa. Hơn nữa trên lục địa này từng có một nền văn minh nhân loại cổ huy hoàng chói lọi.

Một học giả nổi tiếng của Đức dẫn đầu một đoàn thám hiểm khoa học tiến hành khảo sát những di tích dưới biển Đại Tây Dương. Kết quả thu được khiến ông cho rằng trong Đại Tây Dương từng tồn tại một “đảo quốc Đại Tây Dương” có nền văn minh phát triển. Ngày 26 tháng 2 năm 1969, một số học giả người Mỹ đã tìm thấy rất nhiều công trình kiến trúc được xây bằng đá kì lạ tại đáy biển gần đảo Bimini. Những hòn đá này đều rất to, chúng có hình vuông, toàn bộ quần thể kiến trúc kéo dài mấy trăm mét. Sau khi nghiên cứu các học giả cho rằng những công trình kiến trúc được làm bằng đá to dưới đáy biển này xây từ 10.000 hoặc

12. 000 năm trước. Sau đó không lâu, các thợ lặn lại phát hiện ra một số cột đá lớn ở đáy biển phía Tây đảo Bimini. Nhiều cột bị đổ nằm ngang dưới đáy biển, nhưng có những cột vẫn đứng sừng sững. Ở một số nơi vùng duyên hải quần đảo Bahamas, người ta đã phát hiện hơn chục di tích kiến trúc có hình thù kì lạ. Có một số công trình kiến trúc bị che phủ bởi những thực vật dưới biển. Những loài thực vật biển này tạo ra nhiều hình như đường thẳng, tròn, hay hình chữ nhật. Theo phán đoán, những thực vật biển bao phủ lên những công trình kiến trúc dưới đáy biển này đã có từ 10. 000 đến 12. 000 năm trước. Nó đồng nhất với thời gian Atlantis- đảo Đại Tây Dương bị chôn vùi mà các nhà khoa học nghiên cứu có được.

Không ít nhà khoa học cho rằng, người Atlantis cổ đã nắm bắt được kỹ thuật văn hóa khoa học rất phát triển: có thể luyện kim loại có độ nguyên chất cao, có thể thông tin liên lạc mà không gặp phải vấn đề hạn chế khoảng cách hay trở ngại nào. Phương pháp thông tin mà họ có được thậm chí còn tiên tiến hơn nhiều so với liên lạc không dây. Một số học giả còn cho rằng ngôn ngữ của loài người đặc biệt là các chữ cái được bắt nguồn từ Atlantis. Bởi vì trên những di tích tại Atlantis này khai quật được không ít những hòn đá có khắc chữ cái. Ngoài ra họ còn cho rằng, những công trình kiến trúc kim tự tháp cũng có nguồn gốc từ Atlantis.

Vậy thì “đảo quốc Đại Tây Dương” mang trong mình một nền văn minh khoa học kỹ thuật phát triển, đã bị chôn vùi như thế nào?

Một số nhà khoa học cho rằng hơn 10. 000 năm trước Atlantis đã bị phá hủy bởi nhiều thảm họa dường như xảy ra đồng thời. Những thảm họa này đột nhiên xảy đến: lớp băng tuyết che phủ phần lớn lục địa Trái Đất bị tan chảy, hình thành một trận đại hồng thủy. Trận đại hồng thủy nhanh chóng tấn công lục địa, những trận động đất mà nó mang theo làm rung chuyển Atlantis; đúng lúc đó có một hành tinh nhỏ (đường kính của nó khoảng trên trăm nghìn mét) rơi thẳng vào lục địa Atlantis. Những sự tấn công nặng nề liên tiếp này làm cho Atlantis bị phá hủy hoàn toàn và bị nhấn chìm dưới đáy đại dương.

Có một tác giả dùng tưởng tượng để vẽ lại bối cảnh khi các thảm họa xảy đến với Atlantis. Những con sóng lớn chồm tới, đem theo những tiếng sóng âm vang đình tai nhức óc. Trận động đất dẫn đến sự phun trào của núi lửa, lục địa rung chuyển trong trận thảm họa, nham thạch núi lửa đổ về thành phố, tro bụi núi lửa chôn vùi thành phố. Một tiếng nổ kinh thiên động địa nổ ra, một hành tinh va vào chính giữa lục địa Atlantis, mặt đất đột nhiên nứt toác ra một khe nứt sâu. Khe

nứt này không ngừng mở rộng đồng thời đất dưới chân con người cũng bị nứt ra thành từng mảnh. Những con sóng lớn cuộn chảy vào các khe nứt, tấn công vào lục địa Atlantis. Lục địa vẫn đang rung chuyển, nhưng giống như biết rằng ngày tận thế đã đến, lúc này không còn bất cứ một tiếng nổ nào nữa, nước biển dần dần tràn vào lục địa, núi đồi, dần dần nhấn chìm các dãy núi... Chỉ trong một ngày một đêm lục địa Atlantis đã vĩnh viễn biến mất khỏi bề mặt Trái Đất. Biển cả vẫn tiếp tục giận dữ, cuộn cuộn, cứ như thể chưa hề xảy ra chuyện gì. Như để nói rằng nó chưa từng nhìn thấy mảnh đất Atlantis này, cũng không biết rằng trên Trái Đất đã từng tồn tại một đảo quốc với nền văn minh phát triển cao như vậy.



Tàn tích của lục địa Atlantis

Đại lục Atlantis đã biến mất khoảng hơn 10.000 năm trước, chúng ta cảm thấy rất đáng tiếc cho sự biến mất của một lục địa với nền văn minh phát triển. Tuy nhiên điều đáng vui mừng là, các thảm họa thiên nhiên vẫn chưa hủy hoại hoàn toàn nền văn minh loài người. Trước khi Atlantis bị chôn vùi, một số cư dân sinh sống trên mảnh đất này đã di cư đến một số khu vực ở Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ và Châu Âu, đem theo tri thức và kỹ thuật mà họ có được truyền bá khắp thế giới. Những tri thức và kỹ thuật mà họ đem theo giống như những hạt giống, nở ra những bông hoa rực rỡ giúp loài người sau này có thể chiến thắng được tự nhiên.

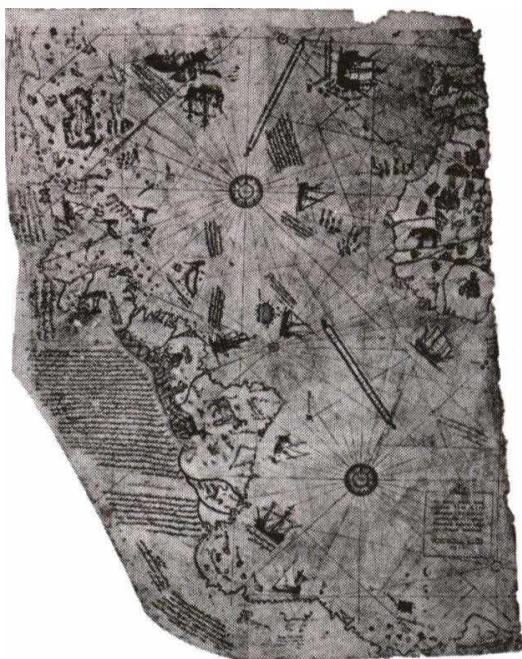
Đương nhiên chúng ta vẫn không giải thích được những bí ẩn có liên quan đến lục địa Atlantis, các nhà khoa học vẫn đang cố gắng khám phá. Họ muốn phơi bày tất cả những bí mật về lục địa văn minh cổ đại này, khiến cho lục địa bị chôn vùi dưới đáy biển Đại Tây Dương hồi sinh, phục vụ cho nền văn minh của loài người ngày nay.



41. NHỮNG BÍ ẨN CỦA NỀN VĂN MINH THỜI TIỀN SỬ

Từ xưa đến nay, có người cho rằng, trước khi con người có lịch sử được ghi chép lại bằng văn tự, trên trái đất đã tồn tại một nền văn minh tương đối phát triển. Đây là một nền văn minh có tri thức khoa học rộng lớn, có sức mạnh, mức độ thông minh và phức tạp cao. Ngoài nền văn minh tiền sử Atlantis được lưu truyền rộng khắp trên thế giới, còn có các truyền thuyết về các nền văn minh khác như lục địa Mu, Ajaerta, Shambala, Ardima, Yuga... Những nền văn minh cổ này cũng ngang ngửa với trình độ văn minh mà ngày nay chúng ta có, thậm chí có những nền văn minh còn tiên tiến hơn cả chúng ta ngày nay. Chỉ có điều những nền văn minh cổ này bị chôn vùi hoàn toàn bởi những thảm họa do Trái Đất tạo ra. Ngày nay chúng ta rất khó tìm thấy tung tích của chúng. Tuy nhiên khi những nền văn minh tiền sử biến mất vẫn có những người may mắn sống sót. Họ định cư ở những vùng đất mới. Ở đó lại sản sinh ra nền văn minh mới. Một phát hiện tình cờ đã cung cấp những bằng chứng cho những ý kiến xung quanh nền văn minh tiền sử. Năm 1929 một bản đồ được vẽ trên da dê đã được tìm thấy trong cung điện Constantinople (nay là Istanbul) Thổ Nhĩ Kỳ. Sau này đã trở thành vật sưu tầm của thượng tướng Billy Reis hải quân Thổ Nhĩ Kỳ. Bức bản đồ này được vẽ bằng màu trà đậm nhạt khác nhau, là bức bản đồ cổ xưa nhất miêu tả đường nét lục địa Châu Mỹ, và nó bỗng chốc trở thành đề tài bàn luận của mọi người. Theo kiểm định, bức bản đồ này được vẽ vào năm 1513, hoàn toàn không giống với những bức bản đồ miêu tả Châu Mỹ khác được vẽ vào thế kỷ XVI. Nó gần như chỉ ra một cách chuẩn xác kinh độ của Nam Mỹ và Châu Phi, trong khi các nhà hàng hải khi đó vẫn chưa nắm được phương pháp khoa học để xác định rõ kinh độ. Trên tấm bản đồ cổ đại miêu tả chi tiết địa hình đảo Greenland hoàn toàn bị băng tuyết bao phủ. Nếu dùng mắt thường chúng ta không thể nào quan sát rõ được địa hình của hòn đảo này. Nhưng tấm bản đồ cổ đó lại có thể vẽ hoàn toàn

giống với miêu tả mà những máy thăm dò khoa học hiện đại ngày nay vẽ ra. Vậy thì rốt cuộc tại sao người vẽ ra tấm bản đồ cổ này lại có thể biết rõ được địa hình của đảo Greenland bị vùi lấp dưới lớp băng tuyết.



Tấm bản đồ cổ

Điều khiến nhiều người ngạc nhiên hơn đó là tấm bản đồ cổ này còn vẽ cả những đảo và vịnh nhỏ hẹp khác ở Nam cực. Chúng ta biết rằng đến thế kỷ XVI vẫn chưa có ai biết đến sự tồn tại của Nam cực. Nam cực chỉ được con người phát hiện ra vào năm 1818, hơn nữa đến năm 1920 toàn cảnh địa hình Nam cực mới được vẽ lại trên bản đồ. Huống hồ hàng chục nghìn năm nay, Nam cực luôn chìm trong băng tuyết, chưa bao giờ lộ diện.

Nhiều người cho rằng tấm bản đồ được vẽ vào thế kỷ XVI này là tác phẩm phục chế của một tấm bản đồ khác cổ xưa hơn. Một số nhà khoa học cho rằng đó là tấm bản đồ từ 5000 năm trước, cũng có người cho rằng nó còn cổ xưa hơn nữa. Vậy thì người vẽ ra tấm bản đồ cổ này là ai? Bởi vì 5000 năm trước con người vẫn sử dụng công cụ bằng đá.

Ngày nay người ta thường nghĩ rằng con người đã tiến hóa dần từ hình thái nguyên thủy thành hình dạng như ngày nay. Tuy nhiên một số nhà khoa học lại có những ý kiến khác về vấn đề này. Họ nói rằng trong quá khứ xa xôi hơn những gì mà chúng ta tưởng tượng, đã từng tồn tại loài người còn tiến bộ hơn chúng ta

ngày nay. Họ đưa ra rất nhiều bằng chứng xác thực để chứng minh cho ý kiến này, thực sự những bằng chứng này rất kì lạ.

Ví dụ: Tháng 6 năm 1851, ở hiện trường khai quật tại tòa nhà hội nghị Dorchester bang Massachusetts Mỹ đã phát hiện một vật bằng kim loại. Đây là một vật có hình đồng hồ dài 16 cm, rộng 11 cm. Theo những người tận mắt nhìn thấy đồ vật này, dựa vào ánh kim phát ra từ đồ vật đó có thể đoán rằng nó là hợp kim gồm nhiều kẽm hoặc bạc, mặt nghiêng có sáu cánh hoa được khảm bằng bạc nguyên chất. Mặt dưới cũng dùng bạc để khảm những quả nho và cành cây. Có thể tưởng tượng rằng một tác phẩm khảm nạm, điêu khắc tinh xảo như vậy nhất định là do một người có tay nghề xuất chúng sáng tạo nên, nhưng đồ vật này lại nằm trong lớp đá cuội sâu 5m.

Tháng 6 năm 1891, một người phụ nữ trong khi khai thác than đã phát hiện một đoạn dây xích. Quan sát kỹ ta có thể thấy đoạn dây xích này bị chôn vùi trong đồng than đã khá lâu. Theo những suy đoán của các nhà địa chất, tầng than này được hình thành từ ít nhất 285 triệu năm trước. Vậy thì ai đã làm ra đoạn dây xích này?

Năm 1961, tại bang California nước Mỹ có người đã phát hiện ra một vật rất giống với cái buzi được dùng trong xe ô-tô ngày nay trong một tảng đá vôi và cảm thấy rất kinh ngạc. Vật thể này có mặt cắt hình sáu cạnh, trong đó có lớp cách điện giống với cái buzi được sử dụng ngày nay và trục máy tiện bằng kim loại. Khi chiếu bằng tia X-quang ta phát hiện thấy những kim loại và dây dẫn đã bị ăn mòn còn lưu lại trên bề mặt vật thể này. Theo khảo sát của các nhà địa chất, loại đá vôi chứa vật thể này đã tồn tại ít nhất 500 nghìn năm.

Năm 1968 một người yêu khảo cổ học ở bang Utah Mỹ đã phát hiện ra một mảnh hóa thạch rộng 5 cm. Trên bề mặt có dấu chân người đi giày đế bằng. Trong dấu chân đó còn có hóa thạch của bọ ba thùy. Bọ ba thùy thuộc loài động vật có chân đốt nhỏ sinh sống ở những vùng biển nóng cổ xưa, đã tuyệt chủng vào khoảng 500 triệu năm trước.

Tháng 4 năm 1980, một nhân viên kỹ thuật người Trung Quốc có tên là Vu Chấn Hoa đã phát hiện ra phần còn lại của một vài ống kim loại trợ trợ trong lớp tầng đứt gãy sa thạch trên bán đảo bờ đông hồ Thác Tố nơi ít người sinh sống ở

tỉnh Thanh Hải. Trải qua những khảo sát nghiêm túc, đây là một loại ống kim loại bằng sắt. Sau đó người này còn phát hiện trong lớp sa thạch rất nhiều các vật phi kim loại có dạng ống và những vật kim loại không phải hình ống. Theo tính toán của các học giả tầng sa thạch ở đây được hình thành từ 40 triệu năm trước. Vậy ai đã chôn những ống kim loại dưới bùn đất và với mục đích gì? Có học giả băn khoăn rằng đây là dấu tích của người ngoài hành tinh đã đặt chân đến địa cầu. Lại có học giả cho rằng thà nói đó là dấu tích của người ngoài hành tinh còn hơn nói đó là dấu tích của người cổ đại, cũng chính là di tích những công trình của loài người xuất hiện trước con người hiện nay.

Những di tích tương tự cũng được phát hiện ở Nam Mỹ. Trong viện bảo tàng của đại học Peru còn cất giữ bản điêu khắc đá từ 30.000 năm trước, điêu khắc một học giả người Indian cổ đại, tay cầm một vật hình ống để trước mắt, đang tập trung tinh thần quan sát tình hình các hiện tượng thiên nhiên. Bản điêu khắc này còn thú hút sự chú ý của các nhà thiên văn học bởi vì vật hình ống nằm trong tay người Indian đó rất giống với kính thiên văn một ống hiện đại. Hơn nữa chúng ta biết rằng chiếc kính thiên văn đầu tiên trên thế giới do nhà thiên văn học nổi tiếng người Italia Galile phát minh vào thế kỷ XVII, cách ngày nay hơn 300 năm. Vậy chiếc kính thiên văn trong tay người Indian đó có phải là tác phẩm do người cùng thời với ông ta vào 30.000 năm trước chế tạo không?

Trong viện bảo tàng của đại học Peru còn lưu giữ hơn 10.000 bản điêu khắc tương tự. Chúng thể hiện rất nhiều những thành tựu rực rỡ của người Indian cổ đại khiến con người ngày nay khó có thể tin nổi trong các lĩnh vực như thiên văn, địa lý, y học sinh vật... Ví dụ trong đó có bản điêu khắc thể hiện kỹ thuật phẫu thuật cấy ghép não mà y học ngày nay khó có thể thực hiện được. Có những ca phẫu thuật tim tinh vi tới mức các huyết quản cũng đều hiện rõ mồn một. Có cả bản đồ chính xác của Tây bán cầu và bản đồ các ngôi sao rất chính xác... Đáng tiếc ở chỗ những kỹ thuật khoa học phát triển ở trình độ cao này đều đã biến mất, con người chỉ có thể bắt đầu lại từ đầu.

Sau khi nước Mỹ cho nổ viên đạn nguyên tử đầu tiên tại sa mạc bang New Mexico, trên sa mạc xuất hiện rất nhiều những hạt nhỏ như thủy tinh màu xanh bị nung chảy. Khi các nhà khảo cổ tìm hiểu sự thật này, họ ngạc nhiên đến không ngờ! Bởi vì khi họ tiến hành khai quật khảo cổ tại lòng sông Euphrates (ngày nay

thuộc Irac) từng thấy rằng dưới lớp địa tầng thời kì văn hóa trồng trọt nông nghiệp 8000 năm trước là lớp địa tầng thời kì văn hóa du mục còn cổ xưa hơn, sâu hơn nữa là lớp địa tầng thời kì con người sống trong hang hốc. Tiếp sau đó họ gặp phải lớp đất đầy đất đá đầy những hạt thủy tinh màu xanh đã bị nung chảy. Một nhà khoa học đã nói rằng nếu như số lượng những hạt thủy tinh này ít chúng ta có thể nghĩ rằng đó là do dùng lò nung chảy nhưng ở đâu cũng có những hạt thủy tinh như vậy, hơn nữa không chỉ có một khu vực phát hiện ra hiện tượng này. Tại bờ biển phía tây Scotland, người ta phát hiện ra một đoạn tường thành đã bị nung chảy, đoạn tường này dường như bị nung chảy bởi nhiệt độ rất cao ở phía trên. Vậy loại đạn nguyên tử tiền sử này do ai thả xuống?

Những nghiên cứu về nền văn minh tiền sử trước thời kì con người đã thu được những thành tựu nhất định nhưng đưa ra kết luận khẳng định về sự tồn tại của văn minh tiền sử vẫn còn rất sớm. Chúng ta vẫn còn phải tiến hành những cuộc tìm kiếm gian nan vất vả hơn.



42. CHUYẾN DU LỊCH BẮC CỰC CỦA ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ NGƯỜI NAUY



Bắc Cực

Marshall Cardenas, nhà khoa học người Mỹ chuyên nghiên cứu những bí ẩn tự nhiên đã từng viết một quyển sách rất được mọi người yêu thích mang tên “Chuyến du hành tới trung tâm Trái Đất”, kể về trải nghiệm kì thú của hai cha con đánh cá người Nauy. Ông lão tên Orff Yasen và người con trai của mình sống ở một nơi phía Bắc Nauy thuộc vùng Bắc cực. Một năm, hai cha con tới Bắc cực xa xôi trên một chiếc thuyền buồm. Trên đường đi, họ gặp phải một chuyện mà họ không ngờ tới: chiếc la bàn trên thuyền luôn chình về hướng chính Bắc, cũng có nghĩa là con thuyền đang tiến về phía Bắc rất thuận lợi, nhưng nhiệt độ lại ngày càng tăng. Một hôm, người con trai chỉ vào chiếc la bàn và nói: “Cha xem, hình như la bàn chỉ không đúng hướng”. Lúc đó chiếc la bàn đột nhiên bắt đầu chỉ về hướng Nam, nhưng thuyền vẫn đang đi về hướng Bắc. Rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì? Hai cha con người đánh cá nhìn quanh và kinh ngạc thốt không nên lời, không biết từ khi nào, bầu trời trên đầu họ đã biến mất, thay vào đó là bốn bề nước biển xanh biếc. Cha con Yasen sớm đã được nghe kể, ở một nơi nào đó ở Bắc cực có một thế giới khác, thế là họ nghĩ rằng có lẽ đây chính là lối vào cái thế giới đó.

Con thuyền vẫn tiến lên phía trước, lúc này không gian xung quanh dường như đã gần hoàng hôn. Họ không nhìn thấy được một tia sáng nào, giống như đã bước vào một thế giới của bóng tối. Và chỉ một lát sau, đột nhiên, trước mắt họ xuất hiện một kì tích, xung quanh họ lại sáng như ban ngày, phía trước còn hiện lên đất liền. Họ nhìn thấy trên lục địa đó thực vật sinh sôi rậm rạp, còn có những loài động vật chạy nhảy vui đùa. Cha con Yasen ở lại nơi khí hậu ôn hòa này một năm mới lên thuyền hướng về phía Nam, quay về làng chài nơi quê nhà. Sau khi quay về họ kể cho mọi người rằng họ đã nhận được sự tiếp đãi nhiệt tình của “người khổng lồ” dưới lòng đất, cùng họ chung sống hòa thuận. Những “người khổng lồ” cao 4 m, biết sử dụng các loại dụng cụ, cũng trồng trọt và chăn nuôi... trong mắt những người ở làng chài và hàng xóm, cha con Yasen thật đúng là hai người điên, không một ai tin những lời nhảm nhí của họ.

Tuy nhiên sau này nhà thám hiểm Bắc cực Fritjof Nansen đưa ra ý kiến có khả năng ở dưới đáy Bắc Băng Dương tồn tại một cái hang khổng lồ hình thành do nước biển. Bắt đầu từ tháng 6 năm 1893, ông sống một năm rưỡi trên tảng băng trôi ở Bắc Băng Dương, trở thành người đầu tiên đặt chân đến vị trí $84^{\circ}41'$ vĩ Bắc. Ông đã viết một bộ nhật ký thám hiểm mang tên “Đến với Bắc cực”, miêu tả rất nhiều cảnh tượng tự nhiên kì lạ diễn ra trong vùng Bắc cực. Trong đó có nói đến trong biển băng của Bắc Băng Dương có một vùng biển không đóng băng. Fritjof Nansen giải thích rằng, đó có thể là do nhiệt độ tương đối cao ở đáy biển nơi đó, làm nước biển ấm lên, khiến cho vùng biển đó không bị đóng băng.

Nhà thám hiểm cực địa người Mỹ Holl từng tiến hành 3 chuyến thám hiểm đến Bắc cực, trong một bộ nhật ký thám hiểm của ông có viết: khi đội thám hiểm khi đang men theo các núi băng hướng về phía Bắc, phát hiện một nơi cách đó khoảng 7 km có một vùng biển không đóng băng.

Năm 1906, nhà nghiên cứu cực địa William Reeder căn cứ vào lời kể của Nansen và Holl, quyết định sẽ tận mắt chứng kiến vùng biển không đóng băng này. Ông mang theo thức ăn đủ dùng cho ba người, ngồi lên xe chó kéo tiến thẳng đến nơi có vùng biển không đóng băng của Bắc cực. Khi đến gần vùng biển này, trước mắt ông là một màn sương mù dày đặc. Trong vùng Bắc cực giá buốt mà lại có sương mù dày đặc? Ông cho rằng đó có thể là do sự lưu chuyển của không khí ấm áp trong lòng Trái Đất tạo nên. Điều đó nói lên ở một khu vực nào đó trong

vùng Bắc cực có một nơi có thể làm ấm không khí bằng nhiệt độ lòng đất. Loại không khí nóng này không ngừng thoát ra tạo thành một vùng biển không đóng băng.

Năm 1881, Cleary sĩ quan quân đội Mỹ tại một căn cứ quân sự trong vùng Bắc cực, đã dẫn theo một đội đến thám hiểm tại vị trí 83°24' Bắc. Khi họ trở về đến dải đất Khehlka gần Nauy, đã gặp phải một hiện tượng kì lạ rất khó giải thích: bầu trời phía bắc là một màn nước biển xanh biếc. Thoạt đầu họ tưởng rằng đó chỉ là hiện tượng ảo ảnh, nhưng điều kiện tự nhiên của nơi này hoàn toàn không đủ điều kiện để xuất hiện ảo ảnh.

Cleary gọi loại “nước biển trên không trung” này là “mây nước”. Những thủy thủ đi trên mặt biển đó thường có thể trông thấy loại “mây nước”. Hơn nữa có thể nhìn thấy cả những con thuyền đang đi lại trong đám “mây nước”. Họ nửa đùa nửa thật rằng, “tàu thuyền đang đi trên không trung”.

Những người đã tận mắt chứng kiến loại “mây nước” nói, đây tuyệt đối không phải là hiện tượng ảo ảnh, cũng không phải là một hiện tượng nào khác của bầu khí quyển. Vậy nó là gì? Những quân sĩ Mỹ đã đưa hiện tượng này vào danh mục nghiên cứu bí mật. Một phi công người Mỹ tên Byrd từng lái máy bay tới vùng biển Bắc Băng Dương tiến hành thăm dò, giống như người đánh cá Nauy, ông đã bay vào cái hang thông với lòng trái đất. Byrd rất muốn bay tiếp về phía trước nhưng ông thấy tình hình rất bất thường, liền ngay lập tức quay đầu đổi hướng bay trở lại, nên ông mới bình an trở về trên mặt đại dương đích thực. Căn cứ vào đồng hồ đo, máy bay của ông đã xuống đến độ sâu khoảng 1700m trong lòng Trái Đất. Ông xác nhận rằng khu vực Bắc cực thực sự tồn tại một cái hang khổng lồ.

Ngày nay, máy bay dân dụng của rất nhiều quốc gia thường xuyên bay hướng tới không phận của Bắc cực. Mặc dù máy bay bay lượn qua lại trên cái hang khổng lồ này rất nhiều, nhưng không ai phát hiện ra đường vào của cái hang thông với lòng Trái Đất này ở đâu. Bức ảnh từ vệ tinh nhân tạo chụp lại cho thấy khu vực biển Bắc cực có một vùng nước đặc biệt, nước biển ở đây không đóng băng. Trong thế giới được bao bọc bởi băng tuyết nó nổi bật lên như là một cái hang khổng lồ.

Còn về chuyện cha con Yasen gặp người khổng lồ, có nhà khoa học cho rằng đây có thể là những hậu duệ của cư dân trên những lục địa cổ đã bị chìm dưới đáy

biển, lục địa Atlantis hoặc lục địa Lemuralia. Tương truyền, từ thời xa xưa trên lục địa Lamuralia có một tộc người khổng lồ có vóc dáng cao to sinh sống đông đúc. Họ cao đến 4 m, rất giống với những người khổng lồ dưới lòng đất mà cha con người đánh cá đã gặp. Các nhà khoa học cho rằng, cho dù lục địa đã chìm xuống đáy biển do động đất cực mạnh nhưng trên đại lục đó chắc chắn vẫn có người may mắn sống sót. Những người đi trên những vùng biển xa xôi, đương nhiên sẽ tránh khỏi những rủi ro, họ trôi dạt đến đâu thì sẽ sinh sống ở đó, khả năng này luôn luôn tồn tại.

Cho đến bây giờ, vẫn có rất nhiều nhà khoa học lao động không biết mệt mỏi để cố gắng tìm ra lời giải cho bí mật về cái hang tại khu vực Bắc cực và những người khổng lồ. Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, các nhà khoa học chắc chắn có thể tìm ra đáp án chính xác cho những bí ẩn này.



43. ĐƯỜNG HẦM DƯỚI LÒNG ĐẤT Ở CHÂU NAM MỸ NẸM Ở ĐÂU ?

Tháng 3 năm 1942, sau 3 tháng Mỹ tham gia vào đại chiến thế giới lần thứ hai, một hôm, giữa đồng công việc bận bịu và căng thẳng, tổng thống Mỹ Roosevelt đã dành thời gian gặp gỡ vợ chồng Lamb. Cả hai vợ chồng David Lamb và Patricia Lamb đều là những nhà khảo cổ học, họ vừa từ Mexico trở về.

Trước khi vợ chồng Lamb về Mỹ, người ta đã nghe nói đến phát hiện đáng kinh ngạc của họ: họ đã phát hiện ra những người Indian da trắng bảo vệ đường hầm Mexico trong truyền thuyết tại bang Chiapas Mexico. Cùng lúc đó, thủ lĩnh Phát xít Đức Hitle cũng phái một lượng lớn gián điệp tới lật tung khắp châu Nam Mỹ. Chúng sẵn sàng trả mọi giá để tìm thấy đường hầm và bí mật về kho vàng cất giấu trong đó.

Lamb từ lâu đã nghe nói, ở vùng giữa Chiapas có những thành phố hoang tàn từ lâu của người Maya, dưới lòng đất của những thành phố này có một mạng lưới đường hầm. Trong đó cất giấu một kho báu khổng lồ. Mục đích chuyến đi này của họ chính là muốn làm rõ sự thật về tin đồn này.

Tổng thống Roosevelt nhanh chóng mời họ tới Nhà Trắng tại Washington là để muốn biết có phải họ đã kịp tới nắm được bí mật về đường hầm trước Hitle. Vợ chồng Lamb nói với tổng thống rằng, khi họ đi ngang qua cánh rừng nhiệt đới rậm rạp ở Chiapas Mexico, đột nhiên bị một toán nam thanh niên vóc dáng không cao lắm bao vây. Những người này trông giống hệt với người Indian ở địa phương. Chỉ có điều da của họ có màu trắng xanh. Những người Indian làm hướng dẫn cho vợ chồng Lamb cho dù cao hơn họ một cái đầu, nhưng cũng vô cùng sợ hãi. Sau khi vợ chồng ông trấn tĩnh lại, thì thấy rằng những người này không hề có ý làm hại mình. Họ chỉ yêu cầu những vị khách không mời mà đến

này lập tức quay trở về theo đường cũ. Kế hoạch thám hiểm mà Lamb hoạch định thì dĩ nhiên đã bị phá sản, họ đành quay trở về tay không.

Những người Indian da trắng xanh mà vợ chồng Lamb gặp là một nhánh người Indian đã đời đời sống trong rừng rậm nhiệt đới, được gọi là “người Lacandon”. Những người Indian này trong quá khứ canh giữ những ngôi chùa lớn, thờ vị “thánh nhân” mà họ sùng bái. Họ không cho bất cứ kẻ lạ mặt nào đến gần thánh địa này, nếu không kẻ đó sẽ phải trả giá bằng cái chết.

Sau David Lamb, dần dần người ta lại biết được thêm một số điều có liên quan tới đường hầm dưới lòng đất Mexico bí ẩn này. Một kỹ sư người Anh đã trải qua hơn nửa cuộc đời tại Mexico và Argentina nói, ở chỗ cách Kriandes phía Nam dãy núi Drey 121 km về phía đông, có một thành phố ngậm từ thời cổ xưa để lại. Kỹ sư người Anh này còn cho biết, trong đồng công trình kiến trúc đồ sộ xây trên cao nguyên, vào lúc nửa đêm hoặc bình minh lại có những tiếng trống lớn phát ra, lớn tới mức Thái Bình Dương ở phía tây vẫn còn nghe thấy loáng thoáng. Những người Indian bản địa cho rằng, tiếng trống khiến người ta sợ hãi, bất an này truyền đến từ một ngôi miếu hùng vĩ dưới lòng đất.

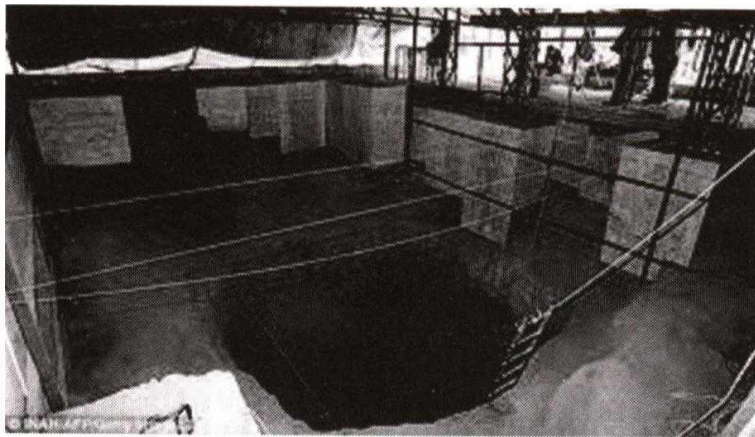
Ở châu Á, đặc biệt là ở Ấn Độ và Tây Tạng Trung Quốc. Từ xưa đến nay đã lưu truyền vô số những truyền thuyết liên quan tới những đường hầm dưới lòng đất. Nhưng những báo cáo khảo sát và chứng cứ chứng minh sự tồn tại của đường hầm lại đến từ châu Mỹ nhiều hơn.

Khi người Tây Ban Nha tới xâm chiếm Peru đã phát hiện ra những sự thực có liên quan tới đường hầm dưới lòng đất ở Nam Mỹ. Năm 1526, Francesco Pizarro đem theo một đoàn quân xâm lược Tây Ban Nha, đáp thuyền bên bờ biển phía Tây Bắc Nam Mỹ. Để tìm được kho báu bí mật khổng lồ của đế quốc Inca. Họ đã giết chết hoàng hậu của đế quốc Inca. Tuy biết rằng kho báu đó nằm trong huyệt đạo, nhưng người Inca nhất quyết không nói cho ông ta biết vị trí của huyệt đạo.

100 năm sau, một người truyền giáo Tây Ban Nha đã phát hiện ra một đường huyệt đạo tại Guatemala Trung Mỹ, dường như nó thông với huyệt đạo Cuzco ở Nam Mỹ. Đường huyệt đạo này được xây phía dưới một khu dân cư, giống như lấy bùn gia cố mà thành, dài khoảng 50 km. Sau này, nhà du hành người Do Thái Stephen đã tìm được một cái hang nhờ một vị linh mục. Theo lời kể của người

Indian, đi vào cái hang này, chưa đầy một tiếng đồng hồ có thể đi từ phía Tây Guatemala sang Mexico. Stephen phát hiện ra trong huyệt đạo này còn có rất nhiều cửa vòm có chóp nhọn được đục từ đá thành. Vì trong hang không đủ ánh sáng, ông không thể tiếp tục đi vào bên trong. Người hướng dẫn nhắc nhở ông về những tiếng vọng trong huyệt đạo trong một thời gian dài. Stephen cho rằng đây chính là câu đố khó lý giải nhất của đại lục châu Mỹ.

Ngày nay, gần thành phố Cuzco của Guatemala, Peru tại Nam Mỹ đã phát hiện một cửa huyệt đạo: lên phía Bắc có thể thông tới Lima, thông thẳng trực tiếp tới một huyệt đạo quy mô lớn; lên phía Nam có thể thông tới Bolivia. Một nơi trong huyệt đạo thông với lăng vua đế quốc Inca, trong hầm mộ có hai cánh cửa được lắp đặt một cách tinh xảo, được làm từ những phiến đá vôi to và dày. Ấn vào cái nút bí mật, cánh cửa tối sẽ xoay tròn để lộ ra đường dẫn những huyệt đạo khác, một đường thông tới Lima, một đường thông tới Bolivia.



Hiện trường một đường hầm cổ

Trên bản đồ, Cuzco cách Lima khoảng 600 km, còn Cuzco đến biên giới Bolivia khoảng 450 km, cũng có nghĩa là huyệt đạo kéo dài dưới dãy núi Andean dài tới hơn 1000 km.

Ở gần biên giới Peru và Bolivia, có 3 ngọn núi, đường vào huyệt đạo thông tới Lima nằm ở một trong những ngọn núi đó. Khi một đoàn xây dựng đang thực hiện phá nổ, không ngờ lại phát hiện ra một huyệt đạo từ trong chỗ đá sứt lở đó, họ đi vào trong huyệt đạo, thẳng tới gần một lăng mộ. Không may là, đất đá trên đầu họ bất ngờ đổ sụp, thế là lăng mộ và đoàn xây dựng công trình đều bị chôn vùi trong đó.

Ngày nay, mọi người đã phát hiện ra đường vào một số huyệt đạo ở Nam Mỹ. Những huyệt đạo được tìm thấy này đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc công nhận là di sản văn hóa thế giới. Để bảo vệ huyệt đạo này không bị tàn phá, chờ đợi sự phát triển hơn nữa của khoa học kỹ thuật. Khi mọi người nắm được đầy đủ những biện pháp kỹ thuật để tiếp tục khai thác. Chính phủ Peru đã phong tỏa đường vào huyệt đạo đã được tìm thấy, và cho coi phòng nghiêm ngặt.

Lâu nay người ta đã không còn nghi ngờ gì về sự tồn tại của huyệt đạo ở Nam Mỹ. Điều người ta mong đợi bây giờ là sau khi giải đáp hoàn toàn được câu đố về những huyệt đạo dưới lòng đất, chúng ta có thể tìm lại được nền văn minh Lima và văn minh Inca đã mất và hiểu rõ được người Nam Mỹ cổ đã tạo ra những huyệt đạo ngấm với quy mô lớn như vậy vì mục đích gì và bằng cách nào.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP HCM

Điện thoại: (08) 38 301 303 – Fax: (08) 39 381 382

Email: nxb@hcmup.edu.vn

<http://nxb.hcmup.edu.vn/>

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng biên tập

PGS.TS. NGUYỄN KIM HỒNG

Biên tập

HÀ VĂN THẮNG

Trình bày bìa

PHẠM TRẦN CHUNG

Biên tập kỹ - mỹ thuật

CÚC PHƯƠNG

Sửa bản in

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

**BỘ SÁCH KHOA HỌC THỨ VỊ CỦA THẾ KỶ XXI
THIÊN NHIÊN KỶ DIỆU**

Mã số : SPKH7W2 – CPH

In 3.000 bản khổ 17 x 24 cm tại Công ty Cổ phần In & Bao bì Đồng Tháp: 212 Lê Lợi, P.3, thị xã Sa Đéc, Đồng Tháp; Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 190-2012/CXB/04-07/ĐHSPTPHCM. Quyết định xuất bản số: 297/QĐ-NXBĐHSP, cấp ngày 07 tháng 05 năm 2012. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2012.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
240 Trần Bình Trọng, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 38323557, Fax : (08) 38307141
Website : www.sachgiaoduchcm.com.vn

CÁC BẠN TÌM ĐỌC BỘ SÁCH KHOA HỌC THỨ VỊ CỦA THẾ KỈ XXI

1. Cơ thể kì diệu
2. Đại dương kì diệu
3. Động vật kì diệu
4. Giao thông kì diệu
5. Kiến trúc kì diệu
6. Máy tính kì diệu
7. Môi trường kì diệu
8. Năng lượng kì diệu
9. Sa mạc kì diệu
10. Thiên nhiên kì diệu
11. Thực vật kì diệu
12. Trái đất kì diệu

Thiên nhiên kì diệu



1 12 1060 163 15
33 000 VND



Giá: 33.000đ